

BỘ NỘI VỤ

BÁO CÁO

CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH 2019

PAR INDEX 2019

*Trình bày: Ông Phạm Minh Hùng
Vụ trưởng, Vụ CCHC, Bộ Nội vụ - Chánh Văn phòng
Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ*

NỘI DUNG CHÍNH



TỔNG QUAN PAR INDEX 2019



KẾT QUẢ PAR INDEX CẤP BỘ



KẾT QUẢ PAR INDEX CẤP TỈNH



KẾT LUẬN

1 TỔNG QUAN

PAR INDEX 2019

Chỉ số CCHC là: Công cụ theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện CCHC tại các bộ, tỉnh hàng năm; đo lường kết quả thông qua các phương pháp định lượng → góp phần thúc đẩy thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ CCHC giai đoạn 2011 - 2020 của Chính phủ quy định tại Nghị quyết số 30c/NQ-CP

- Áp dụng từ 2012, đã qua một số lần sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh cả về phương pháp và tiêu chí.
- Chỉ số CCHC 2019 bao gồm:
 1. Chỉ số CCHC cấp bộ: 07 lĩnh vực, 40 tiêu chí, 87 tiêu chí thành phần. Tổng điểm 100, trong đó, 37.5 điểm điều tra XHH.
 2. Chỉ số CCHC cấp tỉnh: 08 lĩnh vực, 43 tiêu chí, 95 tiêu chí thành phần. Tổng điểm 100, trong đó, 33.5 điểm điều tra XHH

07 CHỈ SỐ THÀNH PHẦN

1. Công tác chỉ đạo điều hành CCHC
2. Xây dựng và tổ chức TH thể chế
3. Cải cách thủ tục hành chính
4. Cải cách tổ chức bộ máy
5. Xây dựng và nâng cao chất lượng CBCCVC
6. Cải cách tài chính công
7. Hiện đại hóa hành chính

08 CHỈ SỐ THÀNH PHẦN

1. Công tác chỉ đạo điều hành CCHC
2. Xây dựng và tổ chức TH thể chế
3. Cải cách thủ tục hành chính
4. Cải cách tổ chức bộ máy
5. Xây dựng và nâng cao chất lượng CBCCVC
6. Cải cách tài chính công
7. Hiện đại hóa hành chính
- 8. Tác động của CCHC đến người dân, DN và PT KT-XH**

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

1. ĐÁNH GIÁ QUA BÁO CÁO

B1. Tự đánh giá

69 TC, TCTP cấp bộ và 81 TC, TCTP cấp tỉnh thực hiện đánh giá qua báo cáo

- Bộ, tỉnh chỉ đạo rà soát, thu thập TKLC, số liệu thống kê
- Đối chiếu tiêu chuẩn → thảo luận, tự đánh giá, chấm điểm từng TC, TCTP.
- Lãnh đạo Bộ, tỉnh xem xét, phê duyệt → gửi kèm theo TLKC trên phần mềm.

B2. Thẩm định

HĐTĐ: 06 cơ quan CP giao chủ trì triển khai các nội dung CCHC

- Thành viên tham gia: Thứ trưởng, LĐ cấp vụ, cục; công chức giúp việc.
- Thẩm định theo quy trình đã ban hành.
- Có sự tham gia phản biện của đối tượng bị đánh giá (bổ sung giải trình, TKLC).
- Quy trình thẩm định thực hiện trên phần mềm → minh bạch, thuận tiện.

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

2. ĐÁNH GIÁ QUA ĐIỀU TRA XHH

Đối tượng KS

- ĐG bộ: LĐ sở, ngành; LĐ phòng thuộc sở; LĐ vụ, cục; công chức CCHC; hội, hiệp hội.
- ĐG tỉnh: ĐB HĐND; người dân, doanh nghiệp; LĐ sở, ngành; LĐ phòng thuộc sở; LĐ UBND huyện.

Mẫu khảo sát

- Tổng: >56.600 phiếu
- LĐ quản lý, công chức, hội, hiệp hội: >20.000 phiếu
- Người dân, DN: 36.600 phiếu (sử dụng KQ SIPAS).

Tổ chức khảo sát độc lập

- Tổng cty Bưu điện VN thực hiện; điều tra viên tại các bưu điện tỉnh, TP
- BNV, Tcty tổ chức tập huấn nghiệp vụ trước khi khảo sát

Tổ chức giám sát, phúc tra

- BNV phối hợp với MTTQ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam
- SNV tham gia phúc tra.

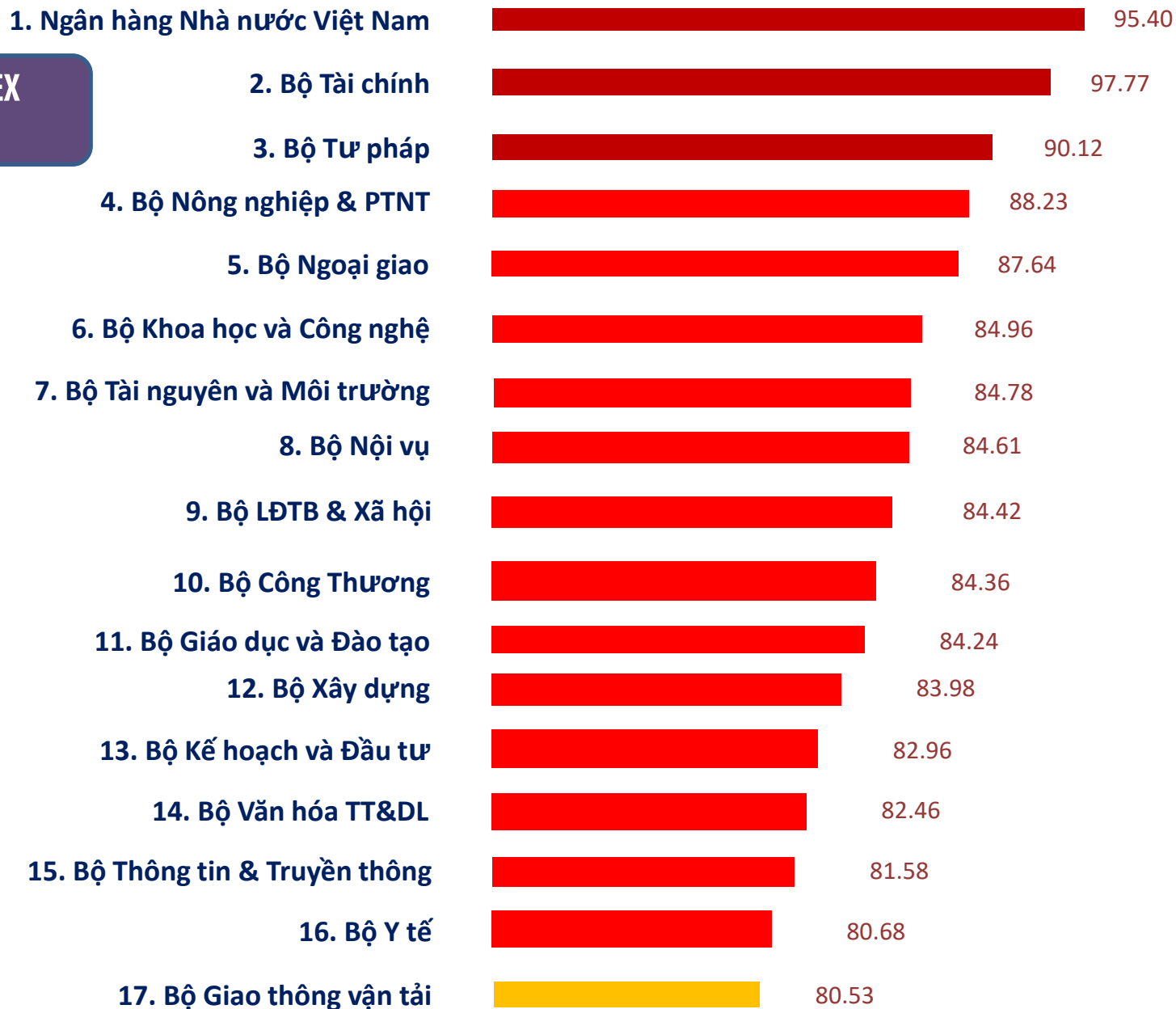
Tổng hợp, xử lý phiếu

- BNV thực hiện trên phần mềm → tự động tính điểm theo tiêu chí đã quy định

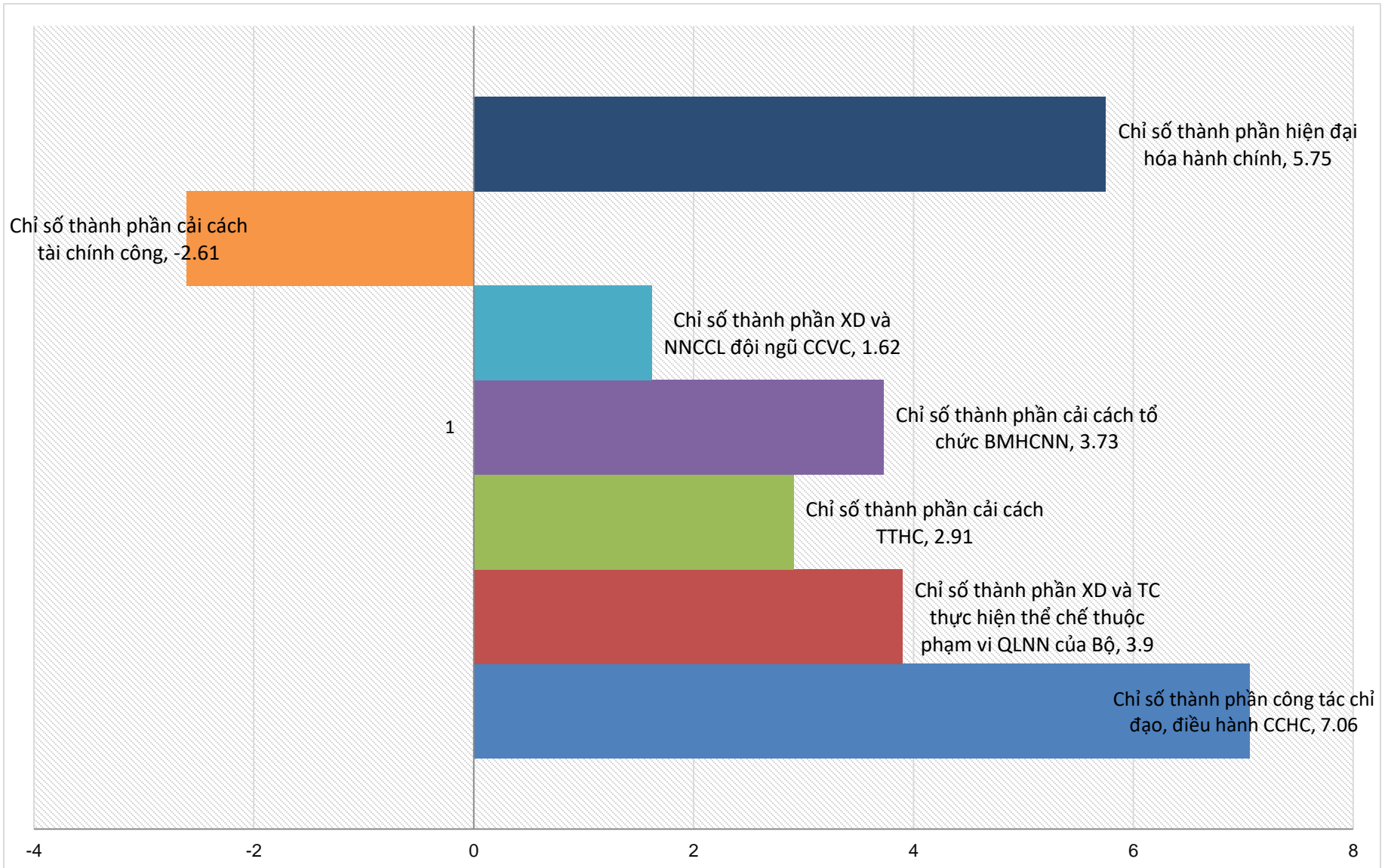
2. KẾT QUẢ PAR INDEX CẤP BỘ

2019

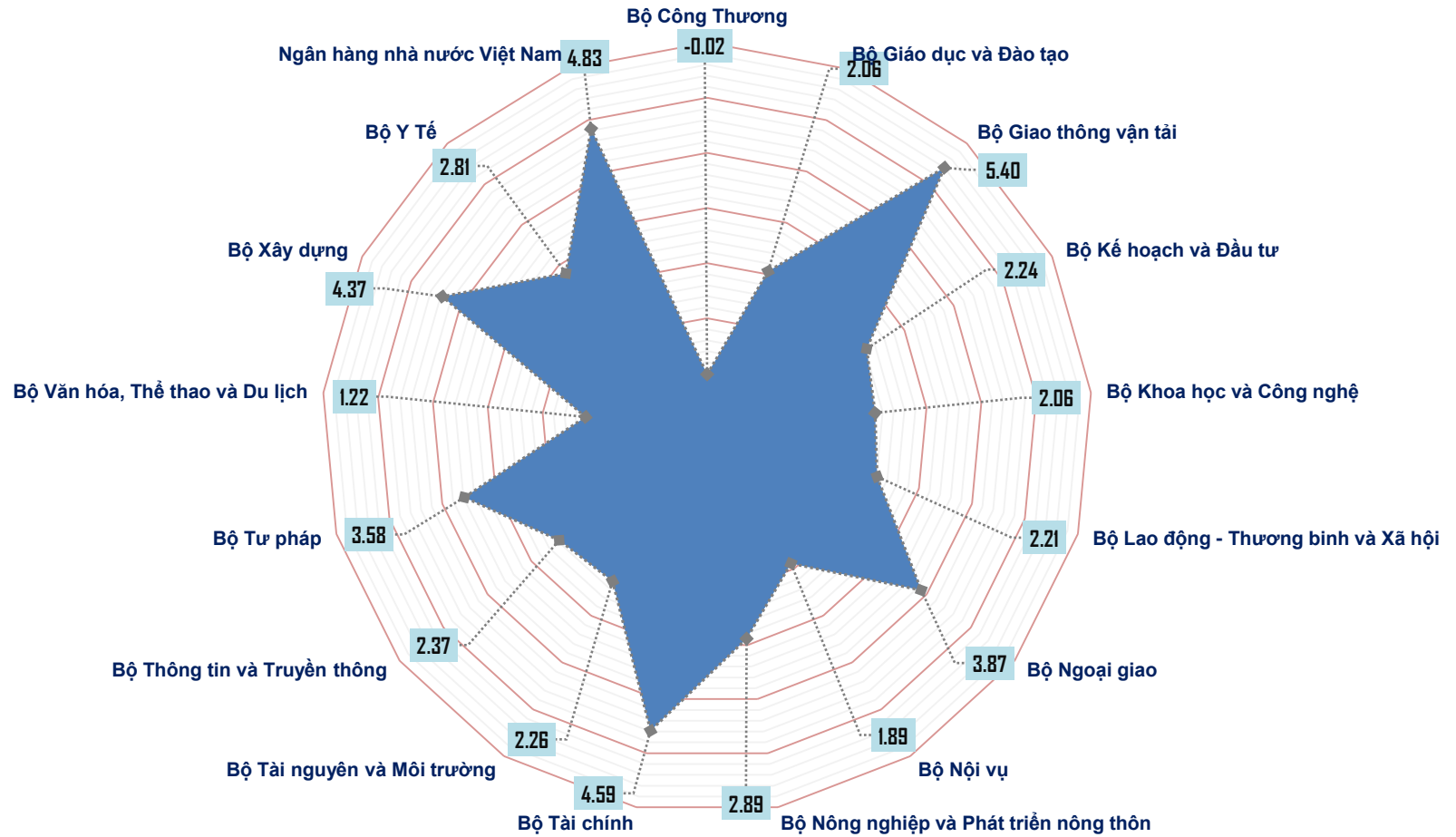
**XẾP HẠNG PAR INDEX
CÁC BỘ NĂM 2019**



MỨC ĐỘ TĂNG/GIẢM CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN CẤP BỘ SO VỚI 2018

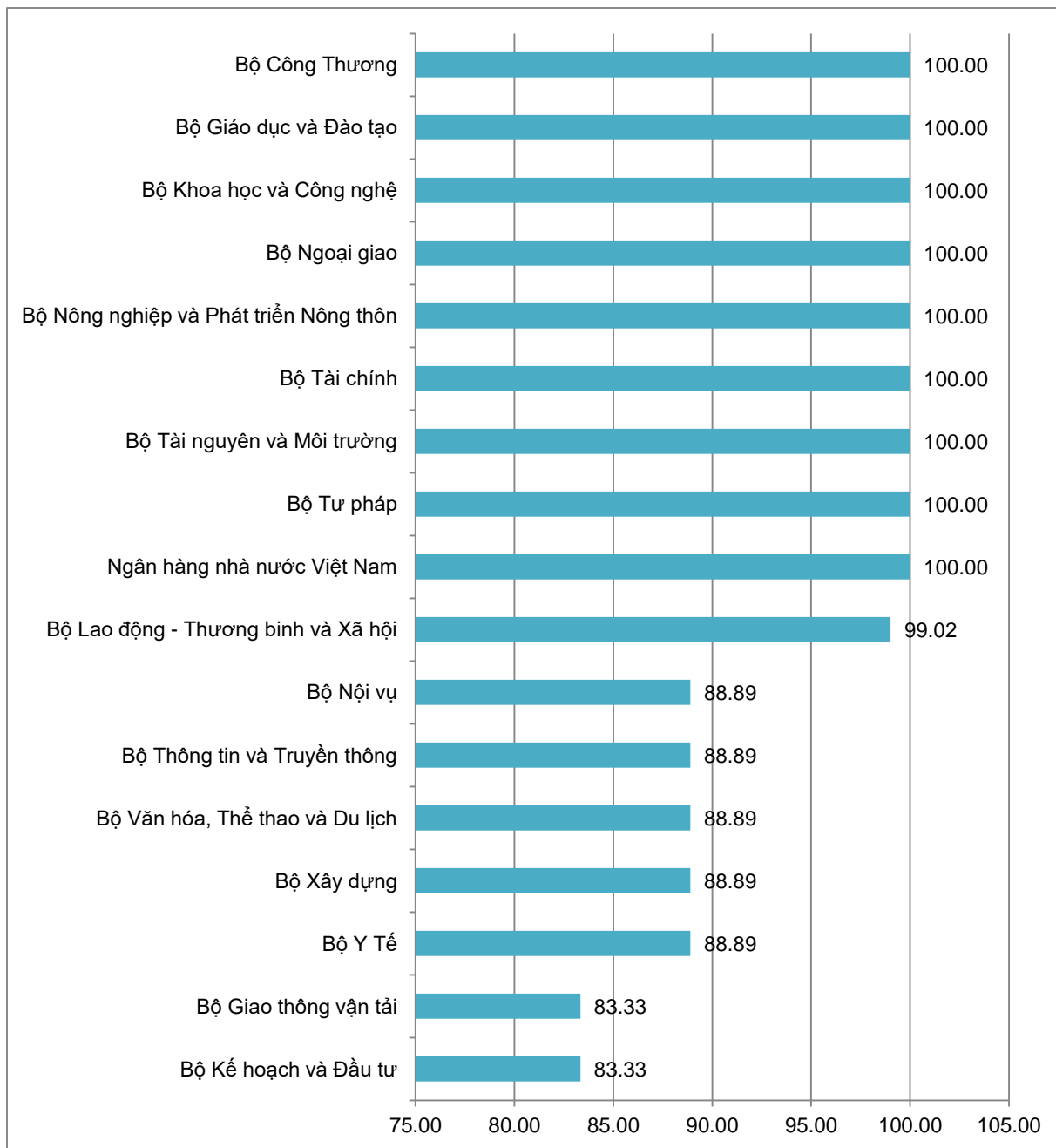


MỨC ĐỘ TĂNG/GIẢM PAR INDEX CỦA CÁC BỘ SỞ VỚI NĂM 2018



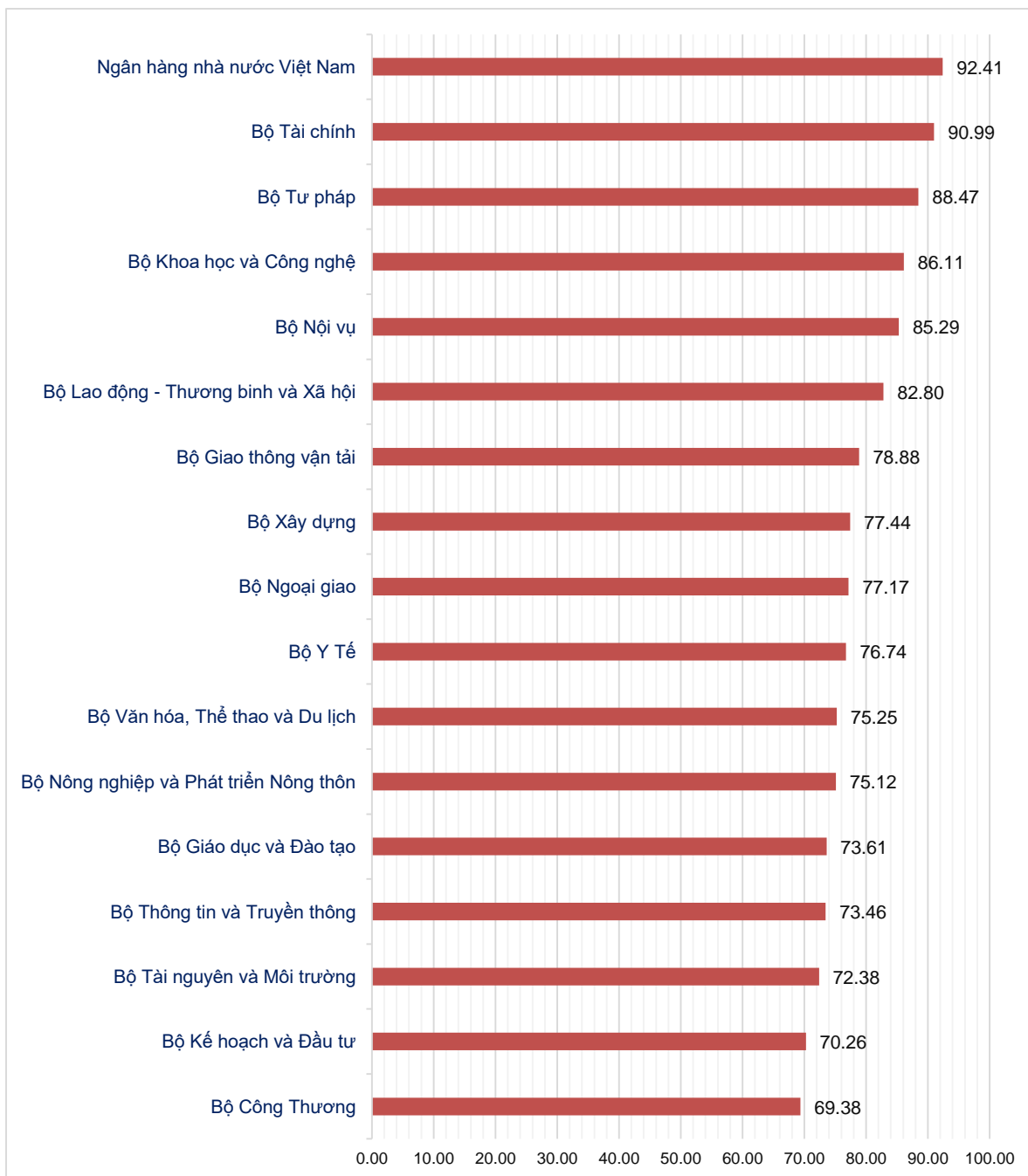
1. CHỈ SỐ THÀNH PHẦN

CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC CÁC BỘ 2019



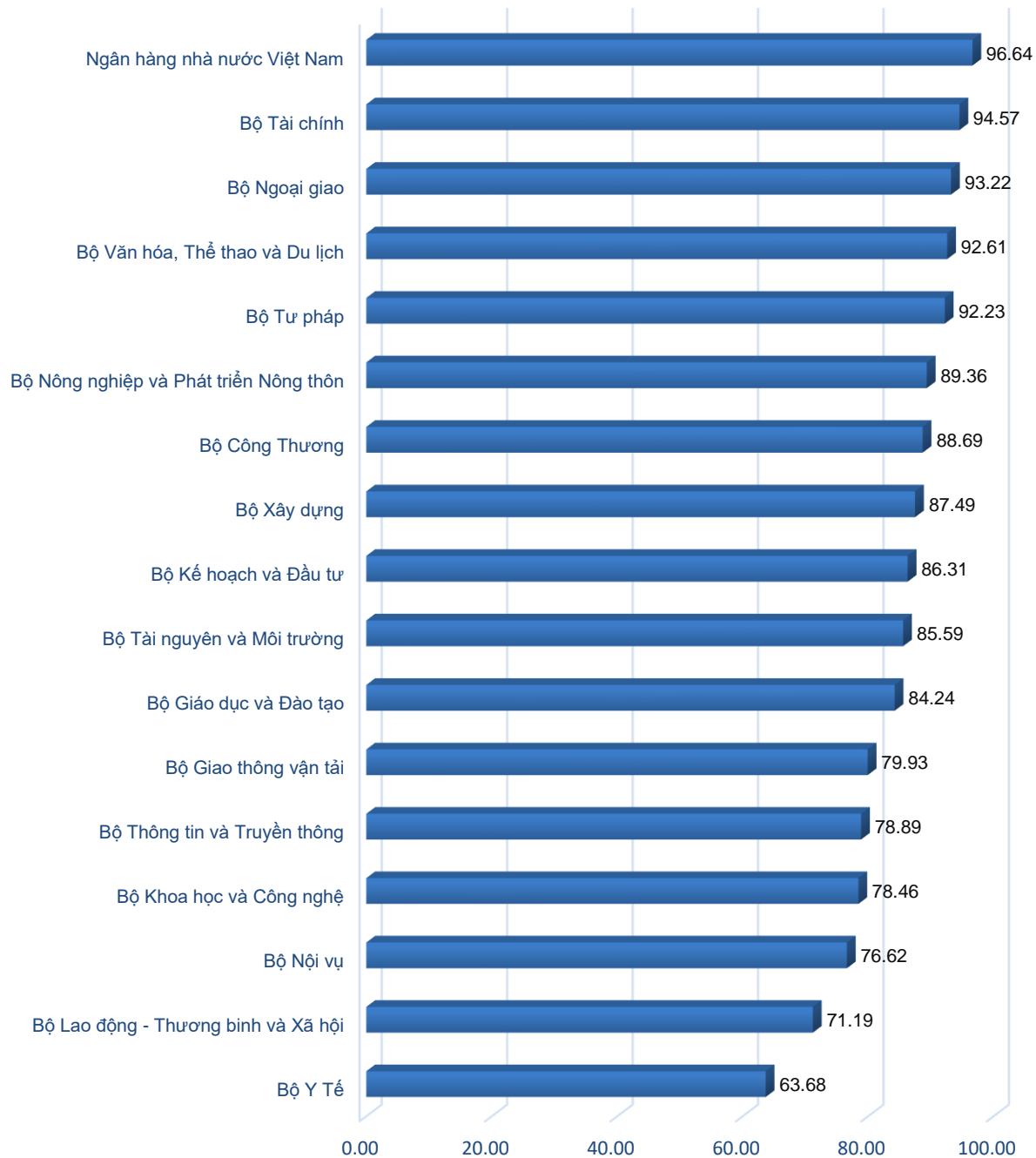
2. CHỈ SỐ THÀNH PHẦN

XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN THỂ CHẾ THUỘC PHẠM VI QLNN CỦA BỘ



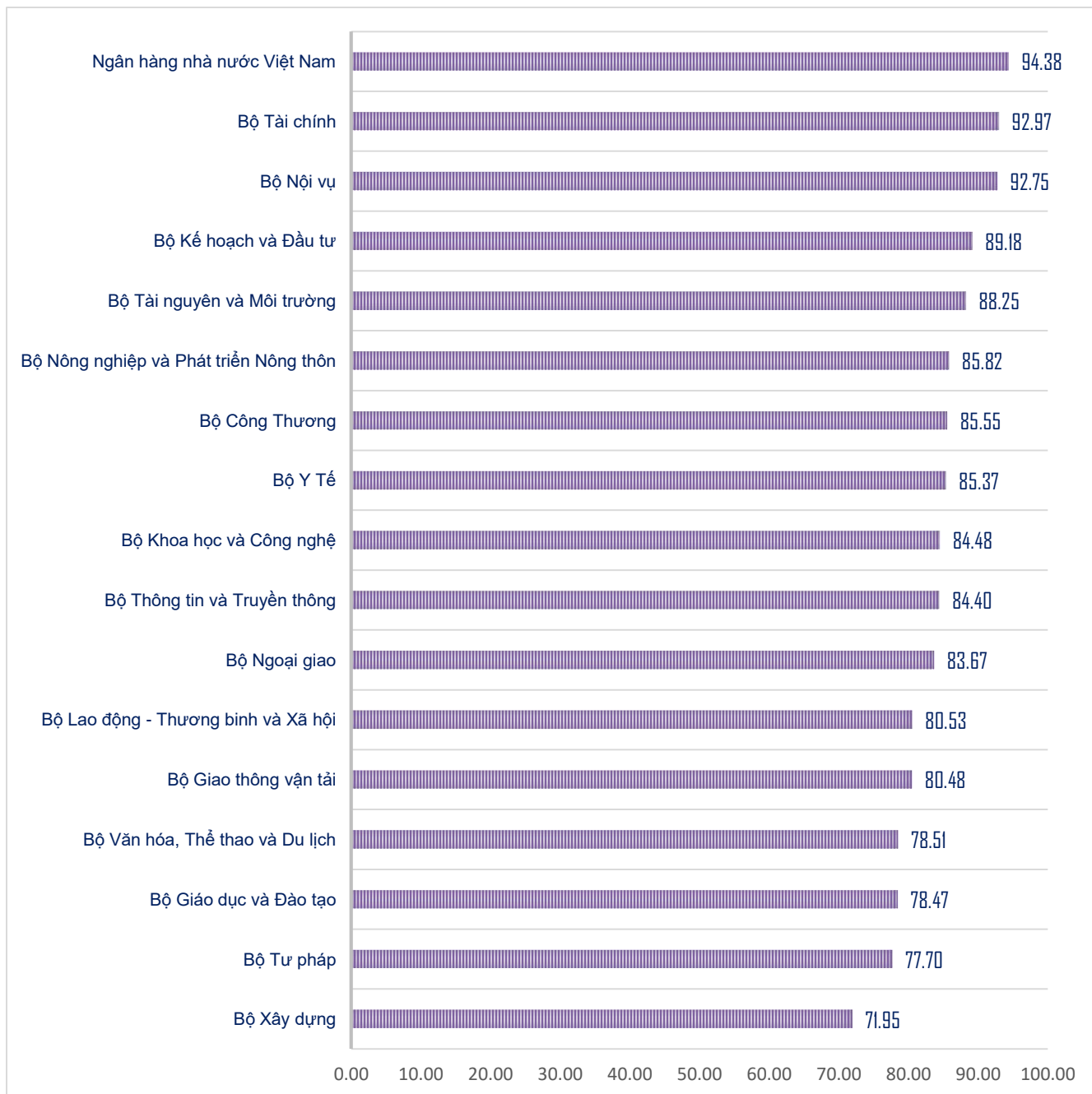
3. CHỈ SỐ THÀNH PHẦN

CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÁC BỘ



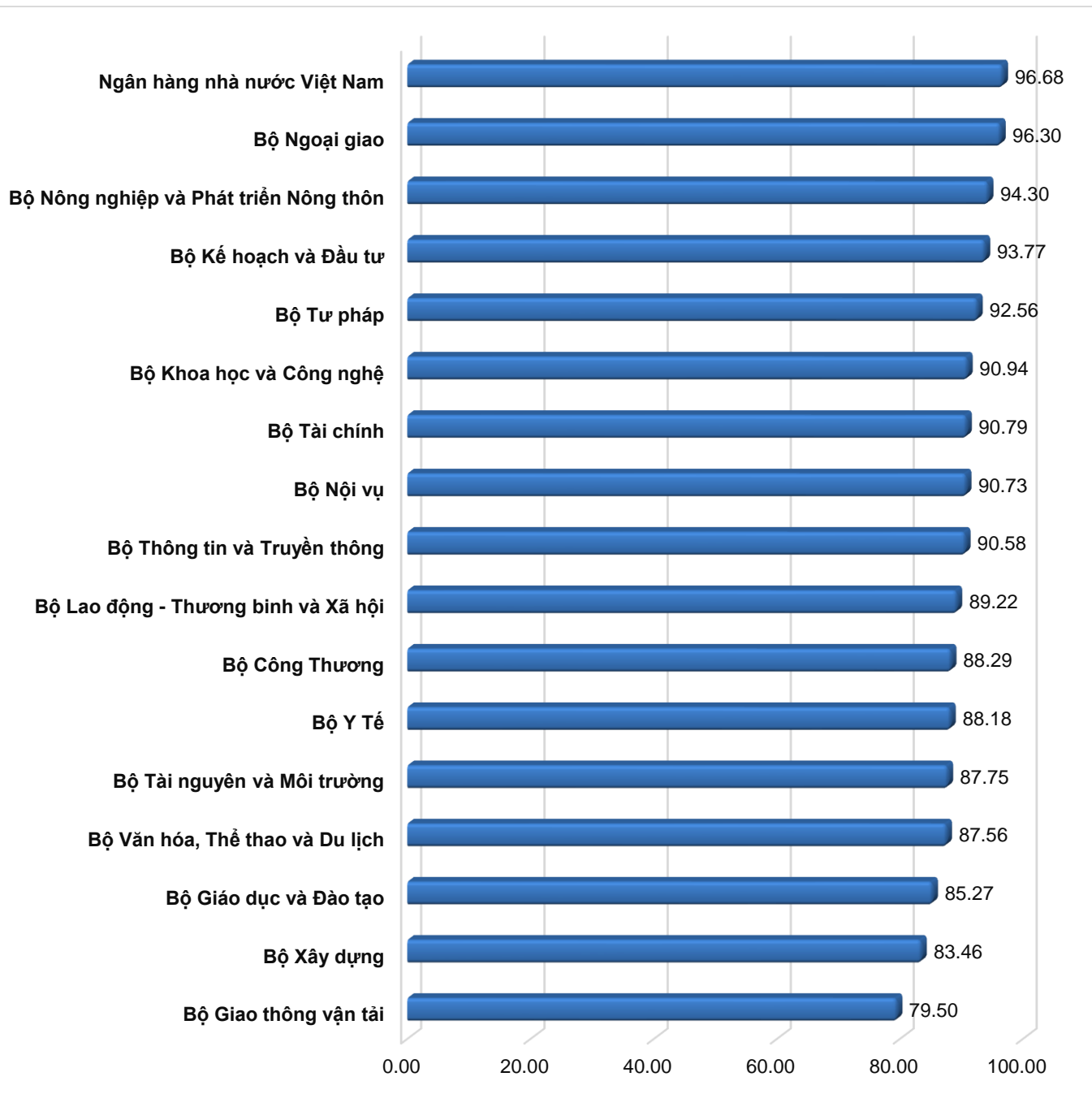
4. CHỈ SỐ THÀNH PHẦN

CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH CÁC BỘ



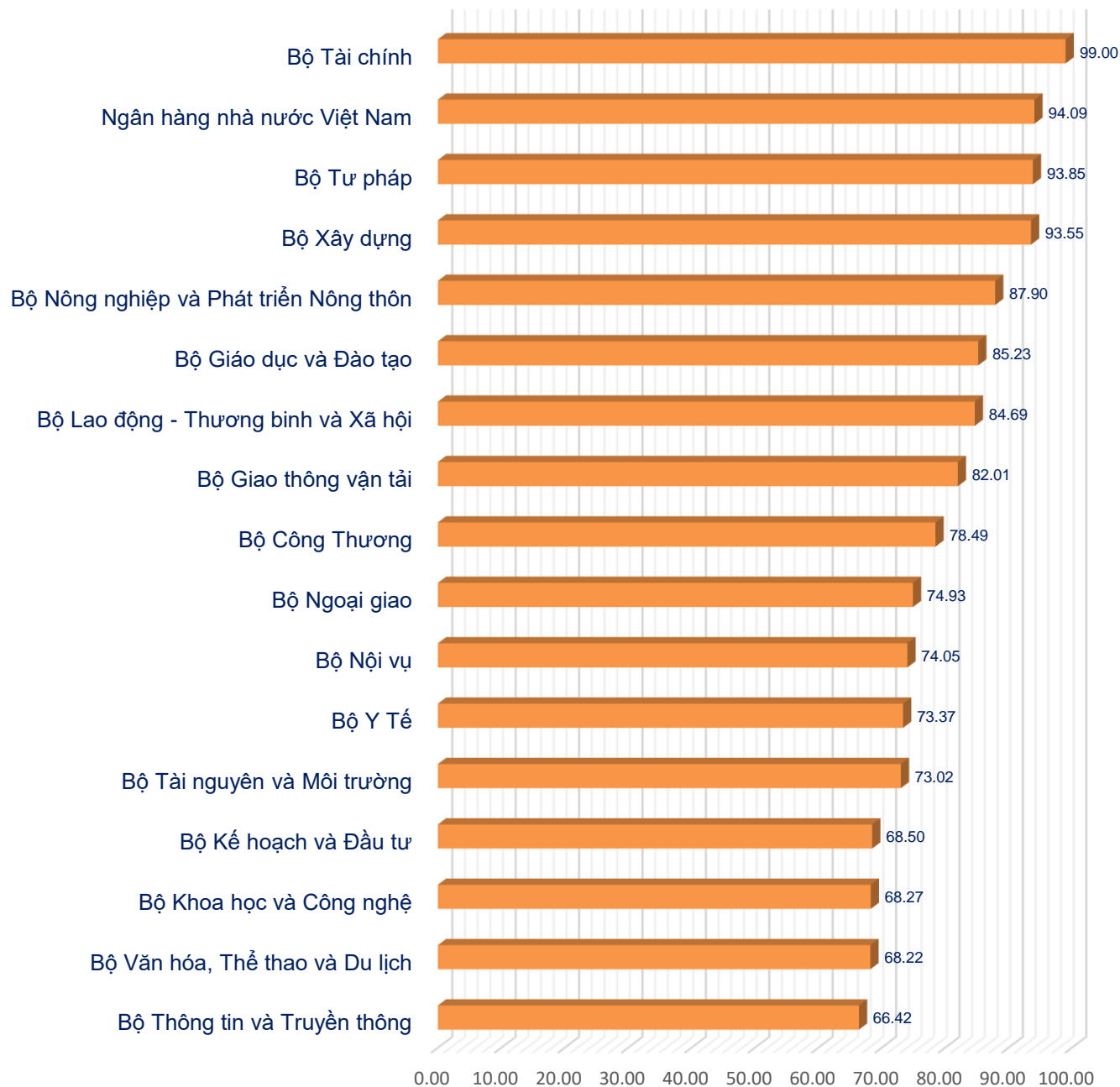
5. CHỈ SỐ THÀNH PHẦN

XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CCVC CÁC BỘ



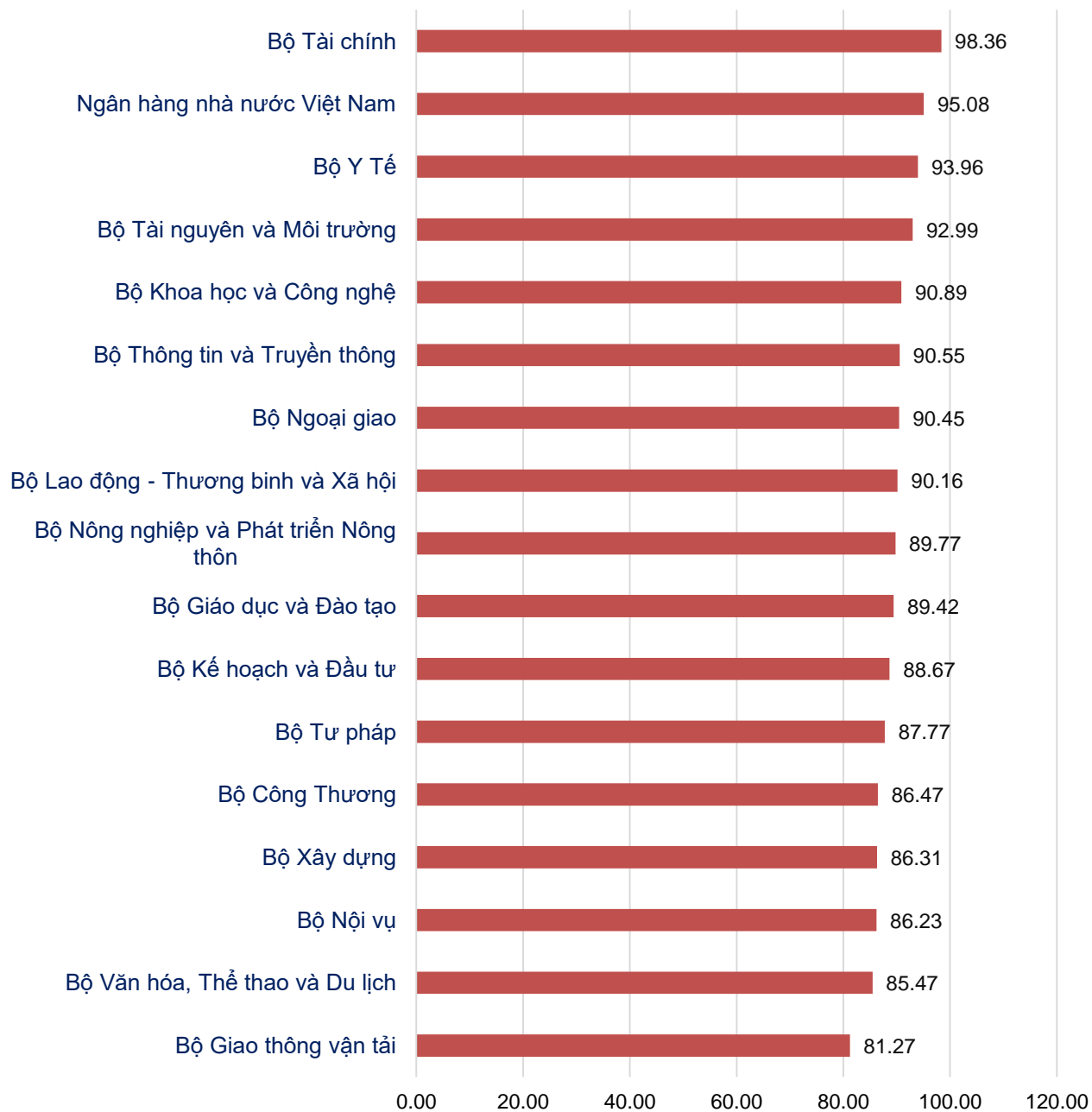
6. CHỈ SỐ THÀNH PHẦN

CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG CÁC BỘ



7. CHỈ SỐ THÀNH PHẦN

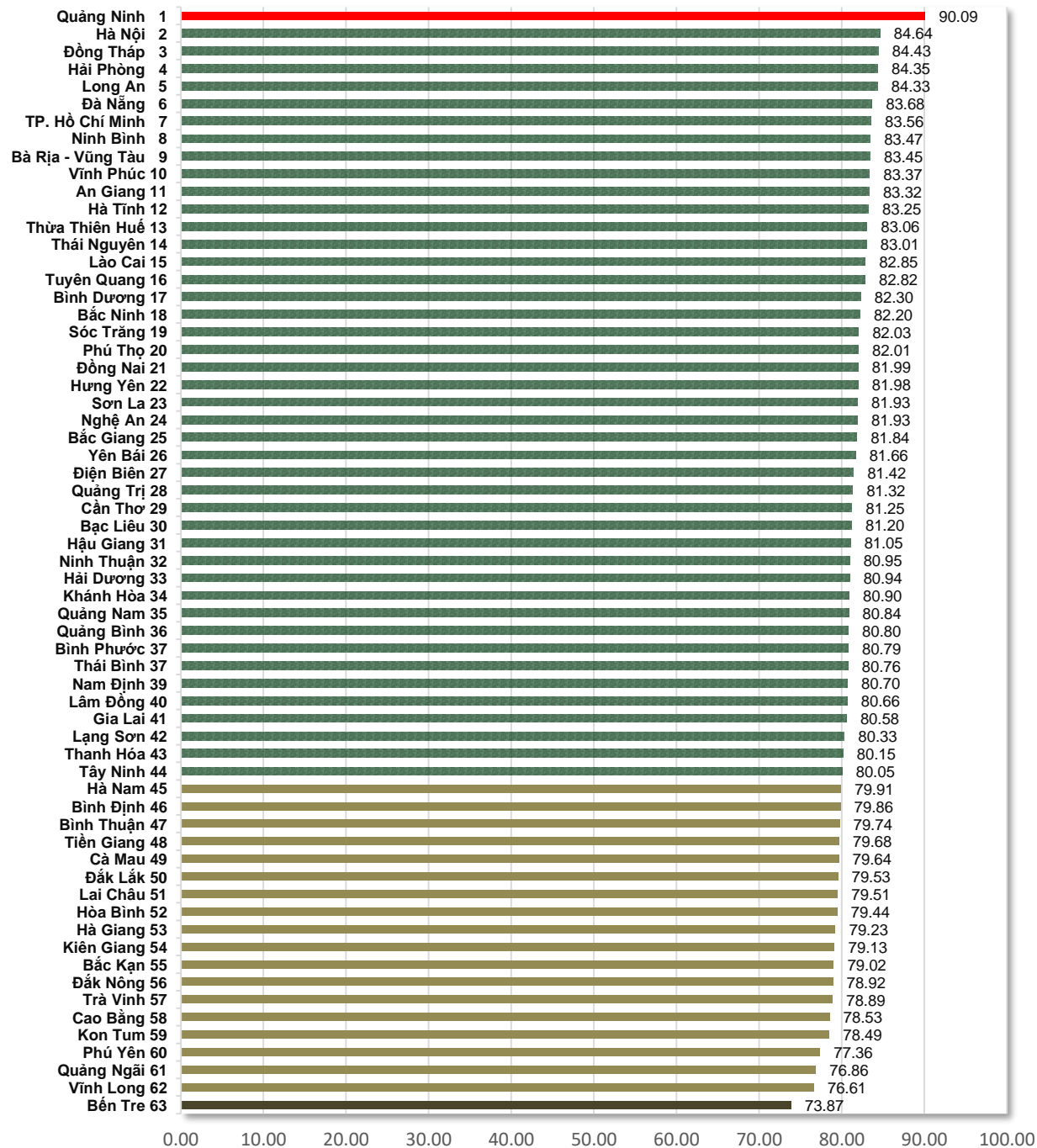
HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH CÁC BỘ



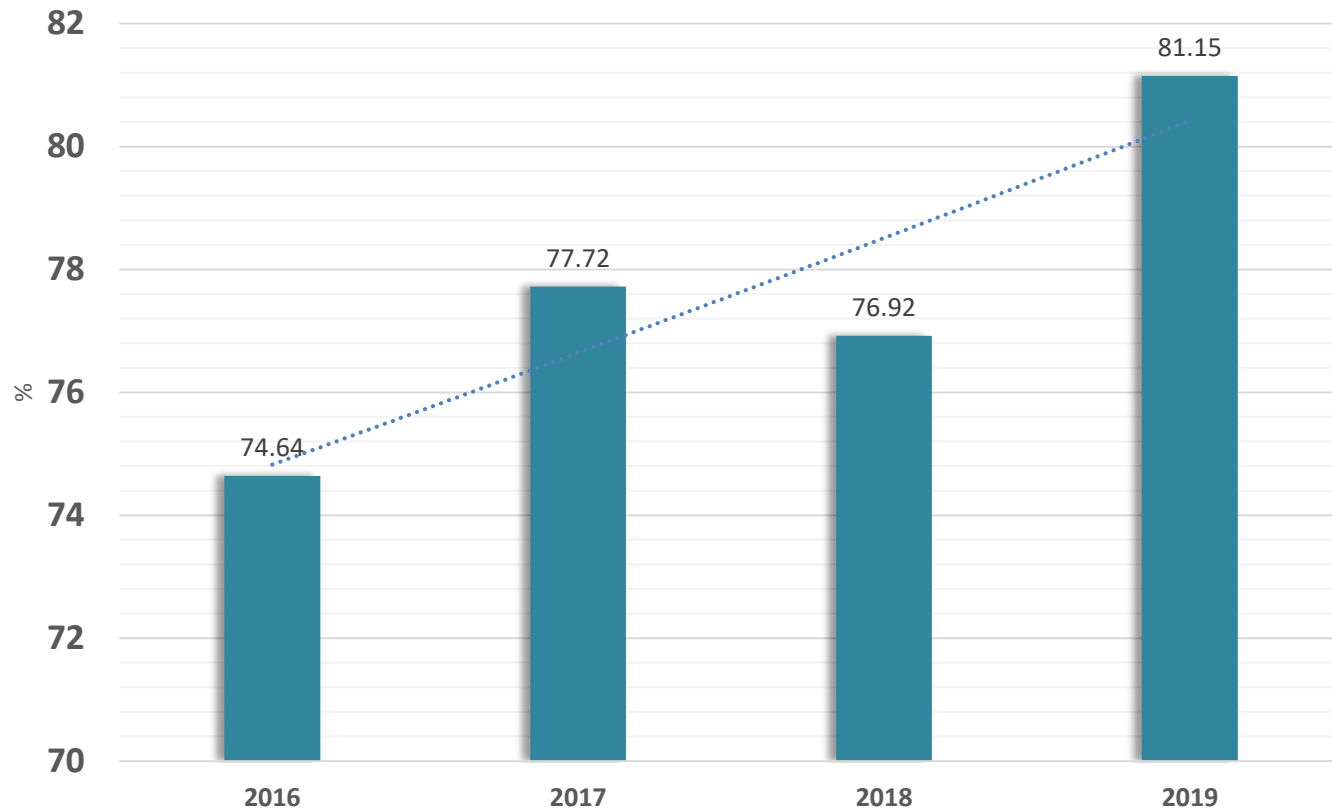
3. KẾT QUẢ PAR INDEX CẤP TỈNH

2019

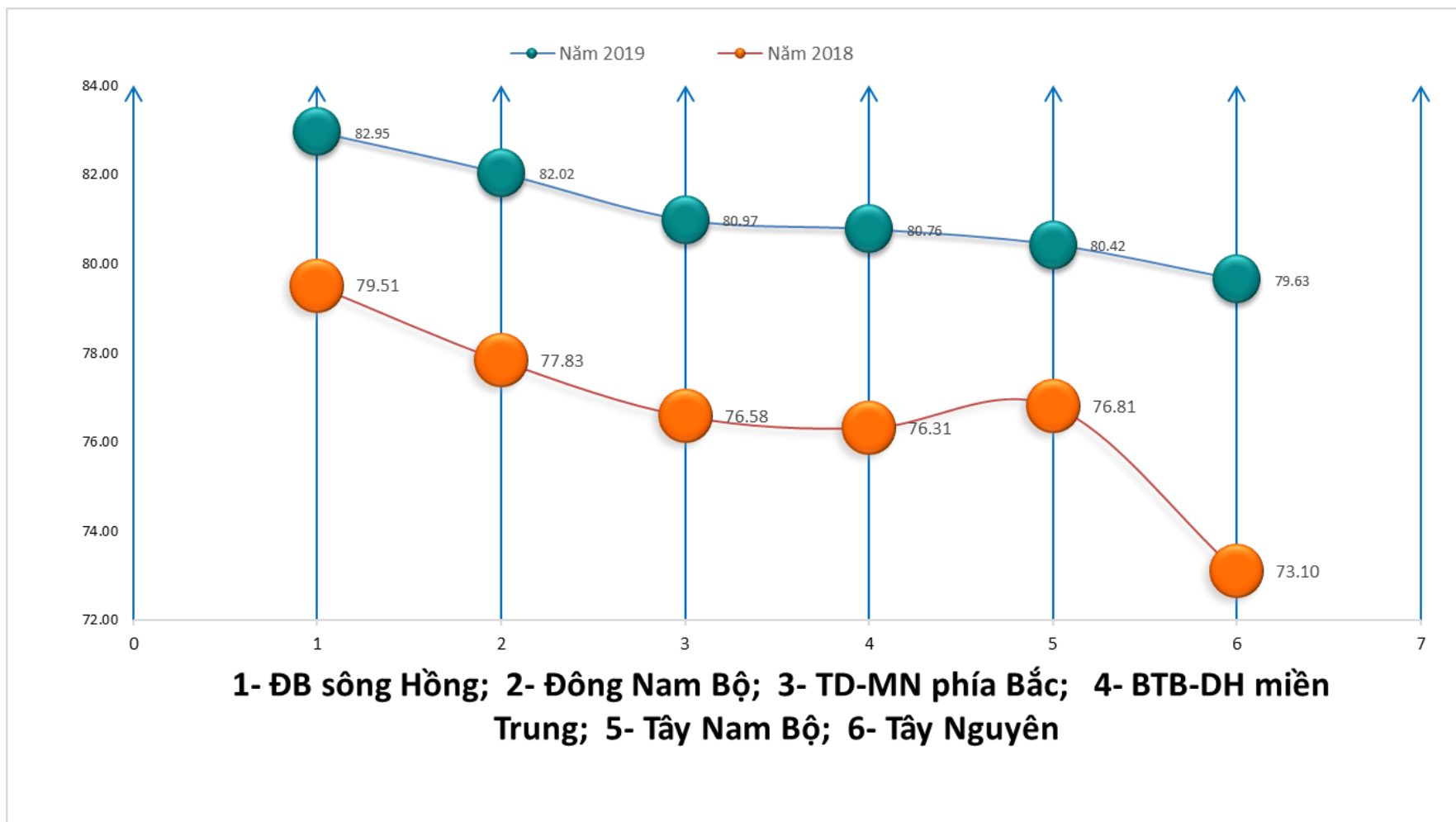
XẾP HẠNG PAR INDEX CÁC TỈNH NĂM 2019



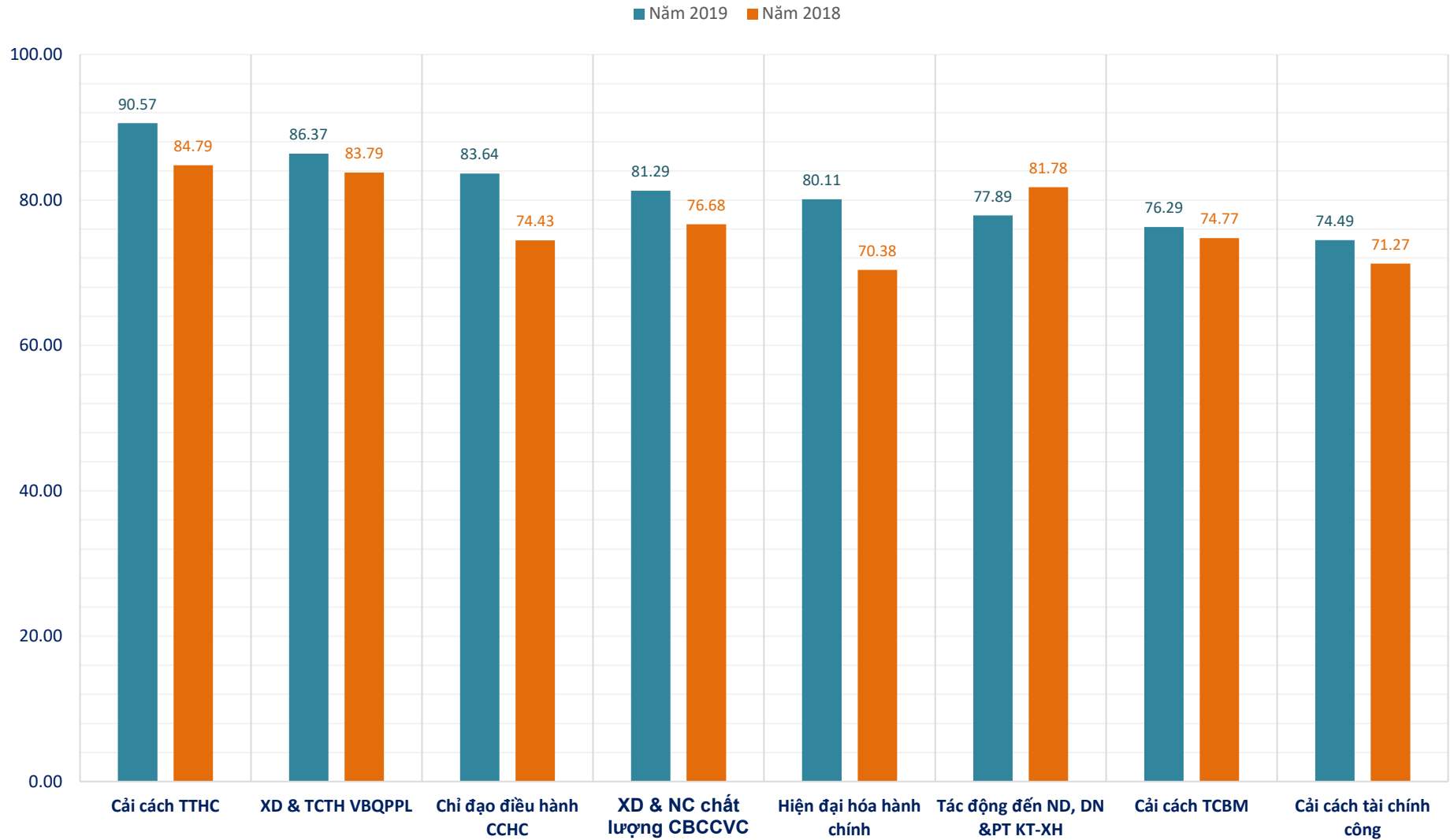
So sánh giá trị trung bình PAR INDEX cấp tỉnh trong 4 năm gần nhất



So sánh giá trị trung bình PAR INDEX 2018 - 2019 giữa các tỉnh theo 06 vùng kinh tế

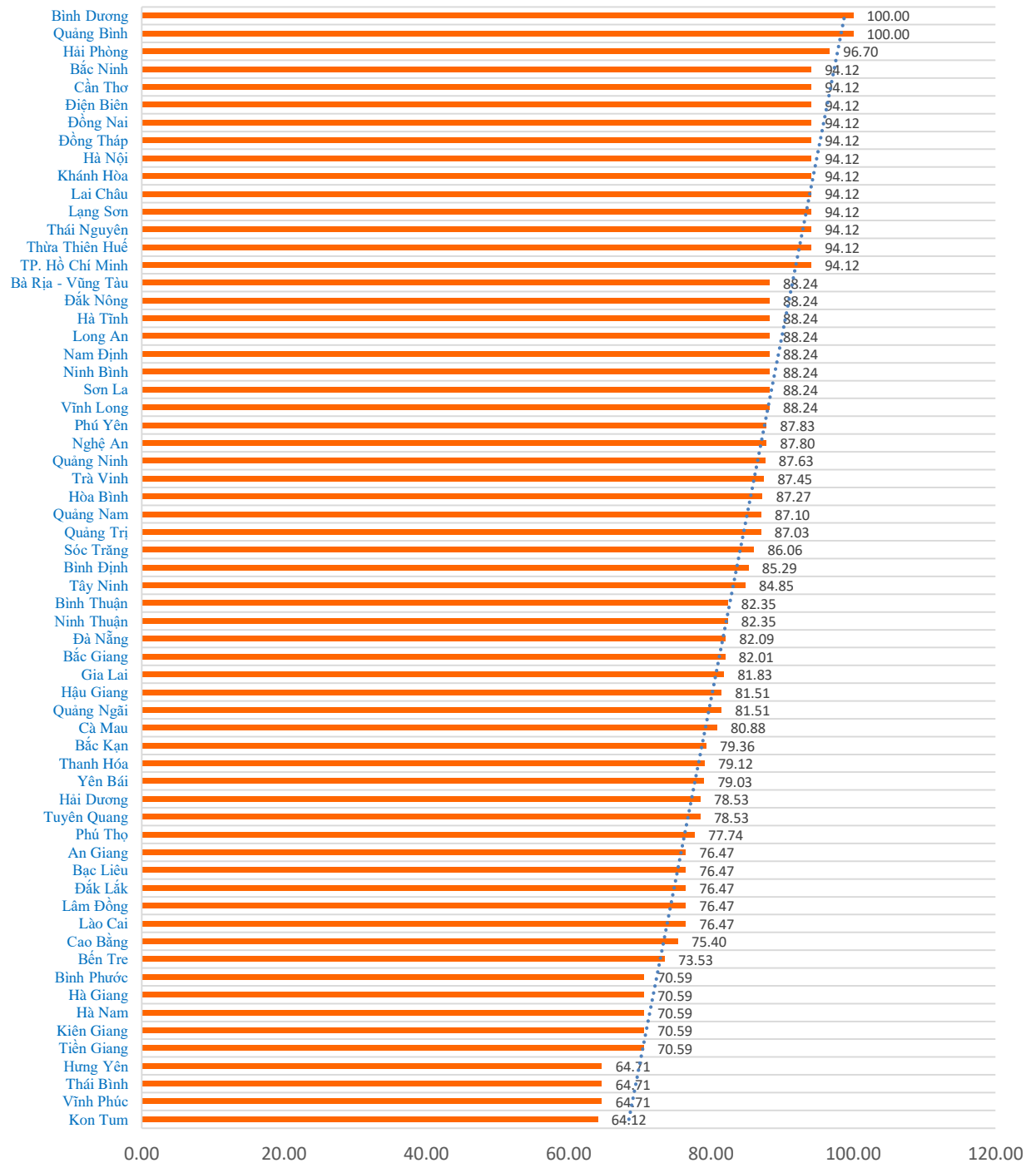


So sánh giá trị trung bình 8 chỉ số thành phần các năm 2019, 2018

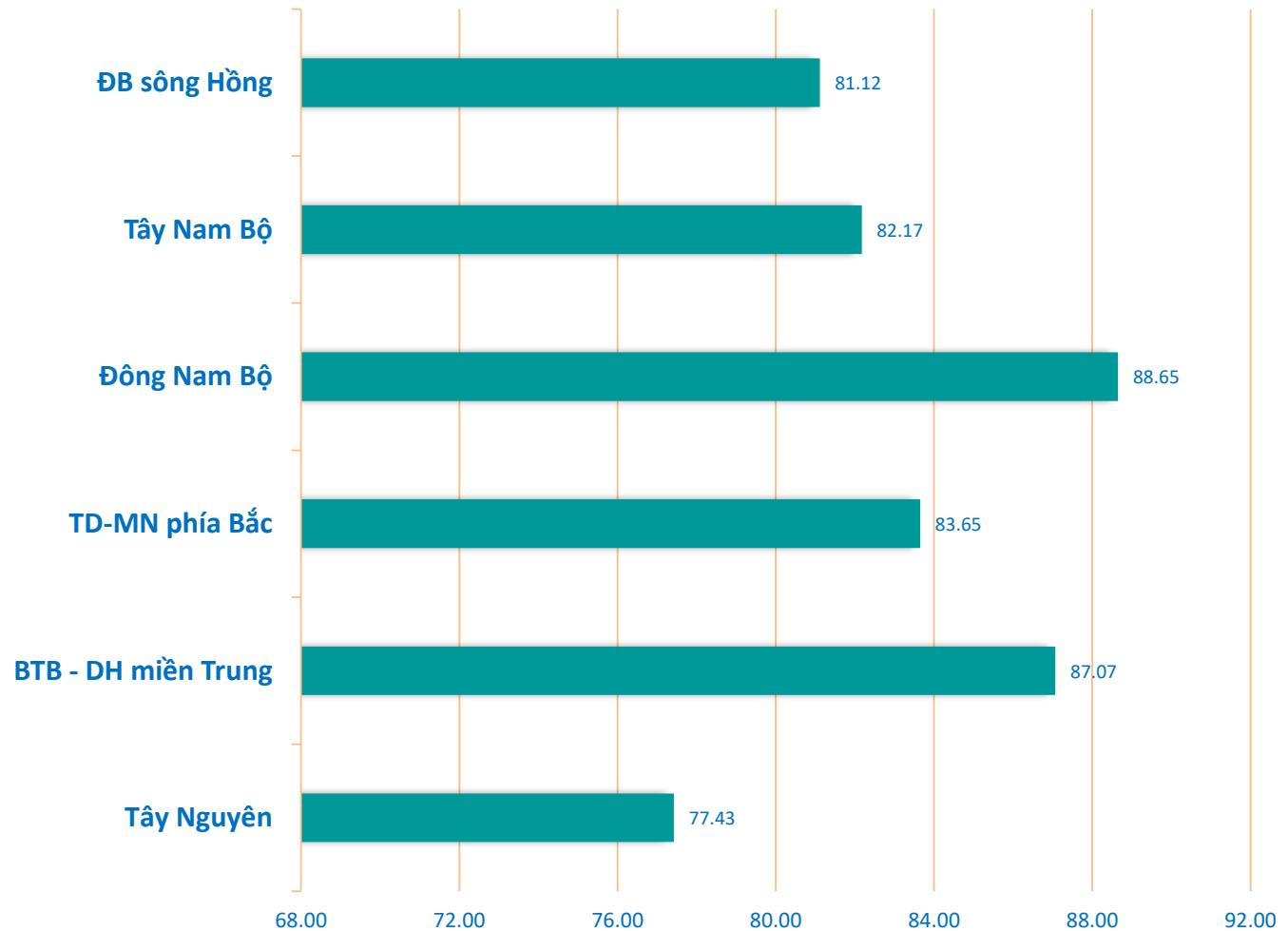


1. CHỈ SỐ THÀNH PHẦN

CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ

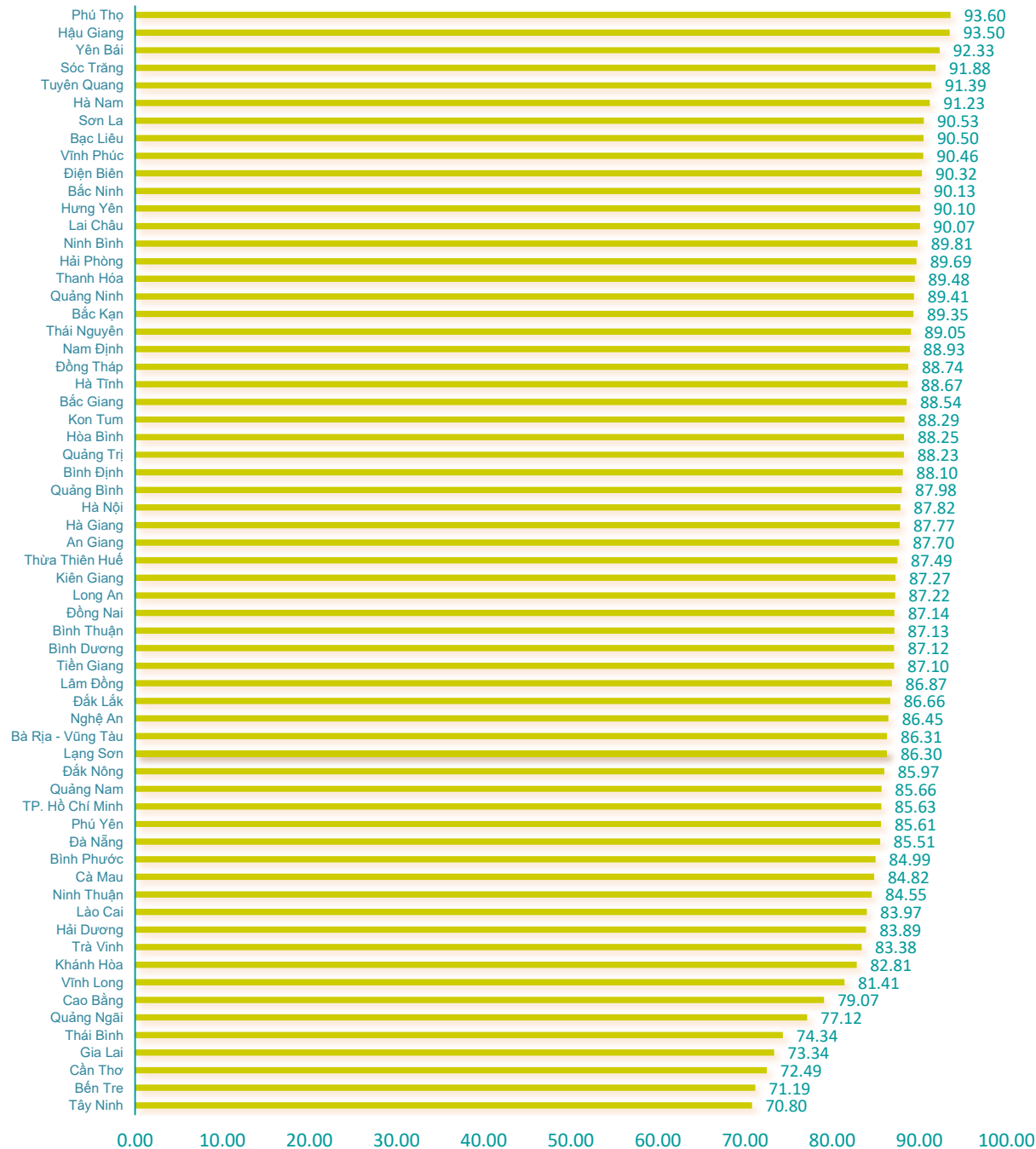


So sánh Chỉ số thành phần "Công tác chỉ đạo điều hành CCHC" theo 06 vùng kinh tế

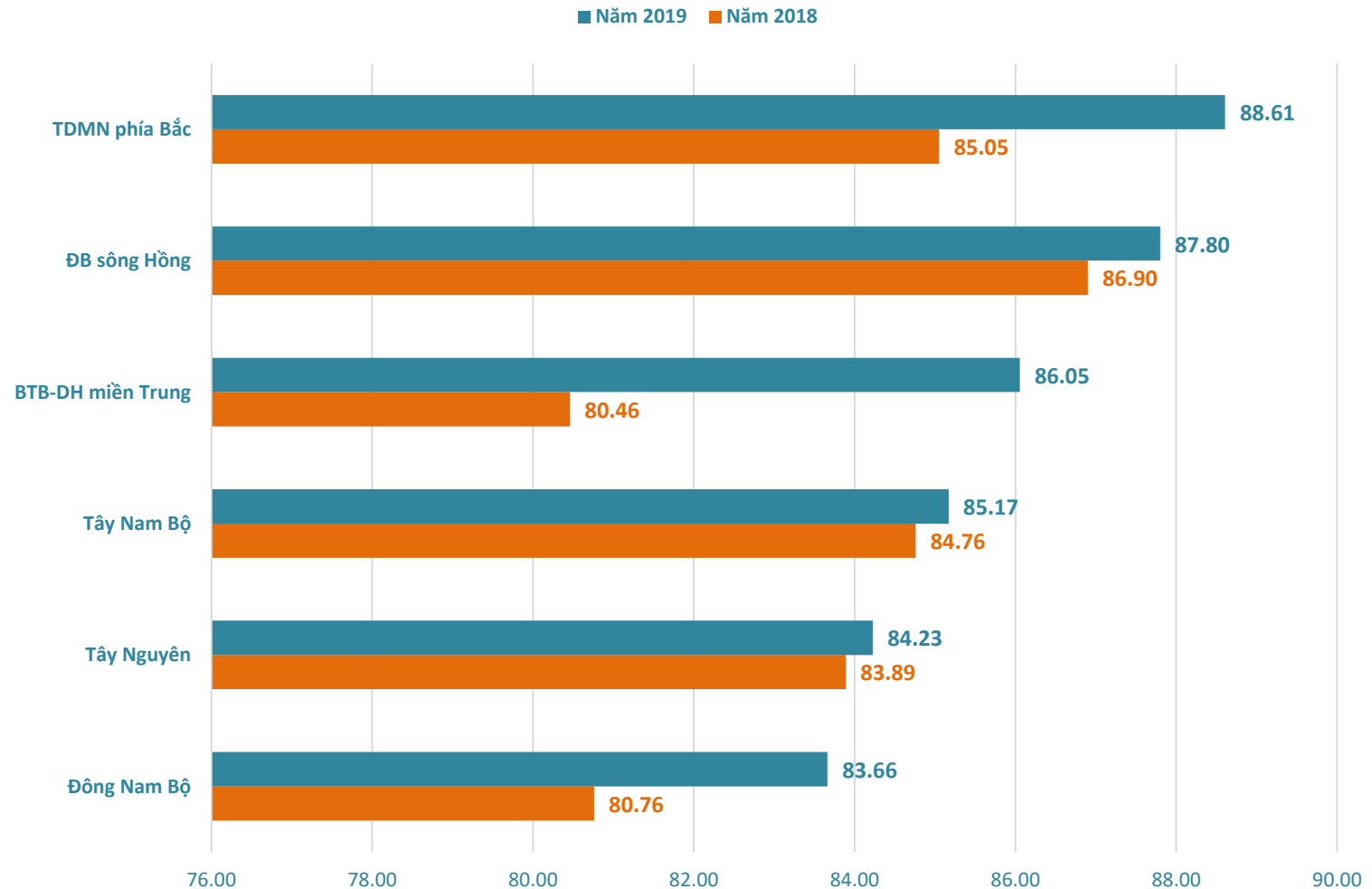


2. CHỈ SỐ THÀNH PHẦN

XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VBQPPL TẠI TỈNH, THÀNH PHỐ

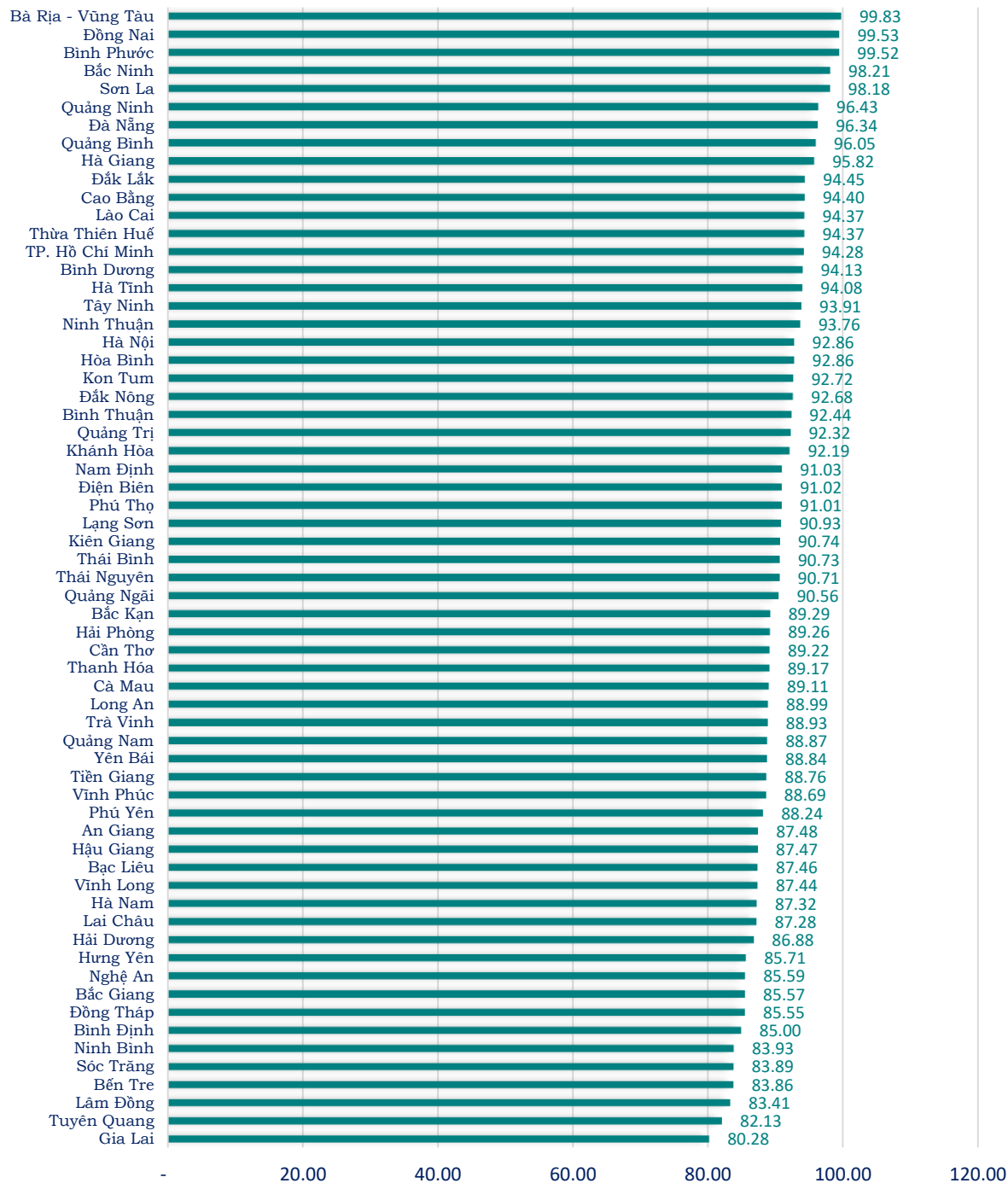


So sánh giá trị trung bình của Chỉ số thành phần “Xây dựng và tổ chức thực hiện VBQPPL” theo 6 vùng kinh tế



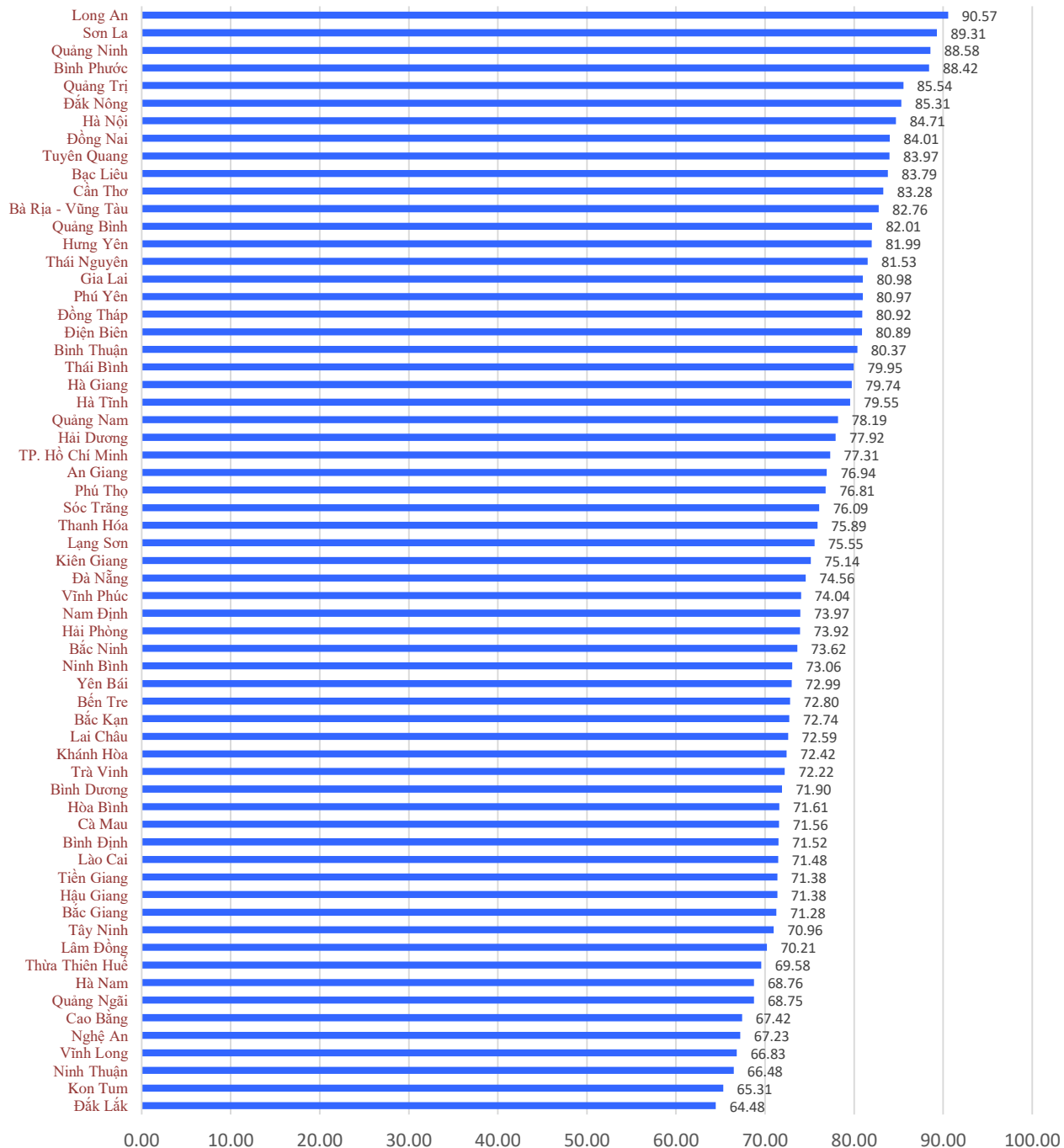
3. CHỈ SỐ THÀNH PHẦN

CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÁC TỈNH NĂM 2019

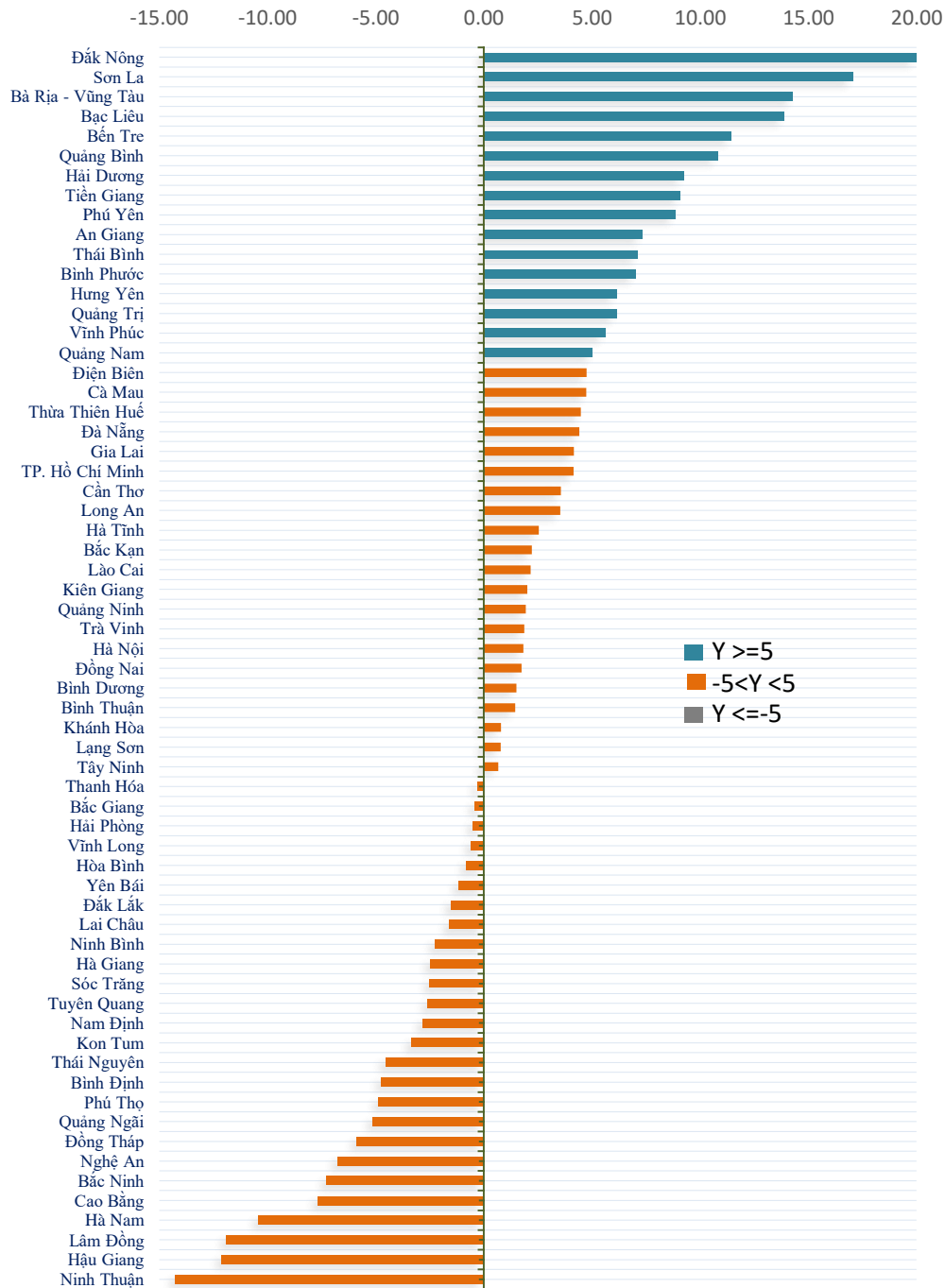


4. CHỈ SỐ THÀNH PHẦN

CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ NĂM 2019

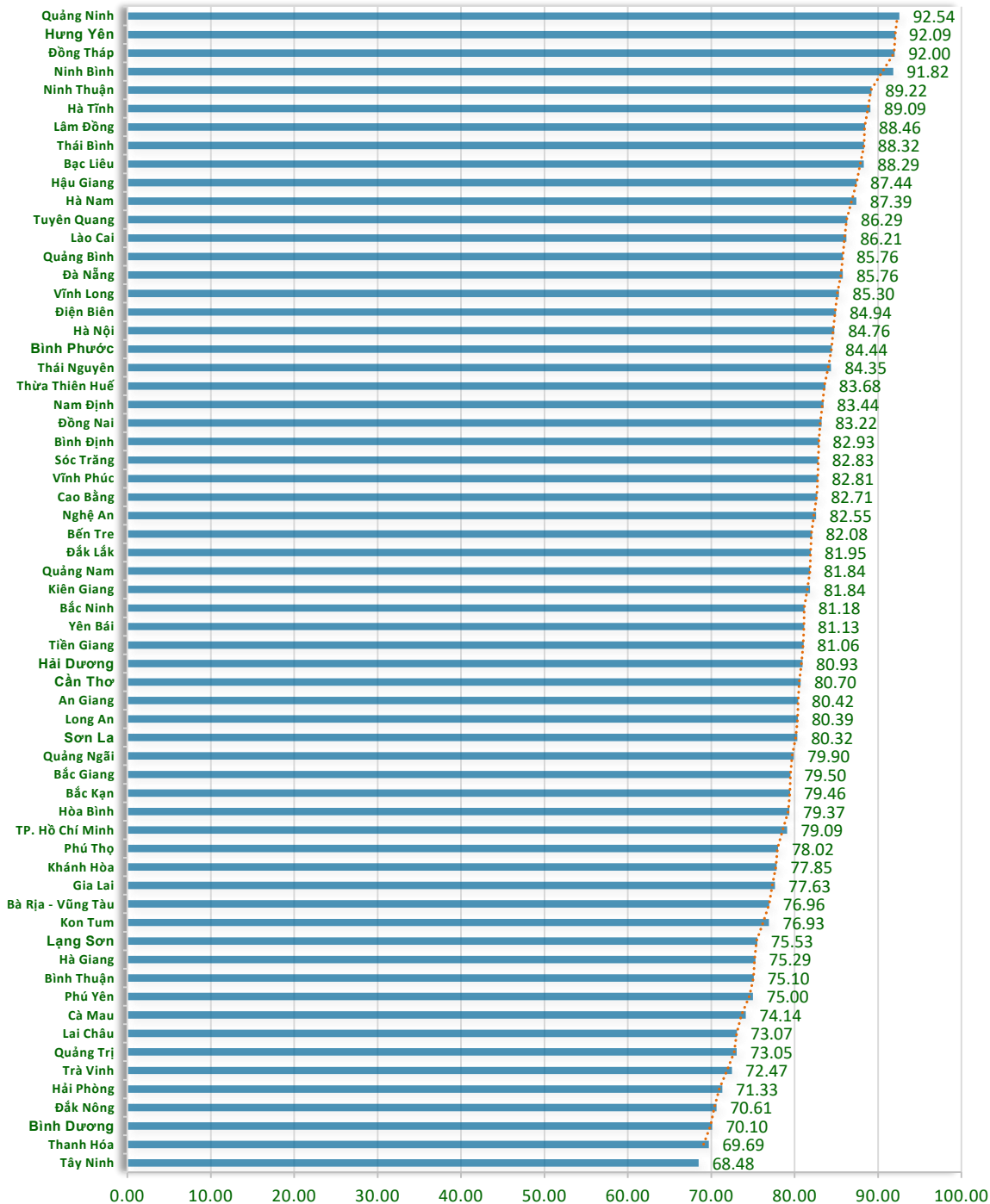


Mức độ tăng/ giảm Chỉ số TP "Cải cách TCBM" các tỉnh so với 2018

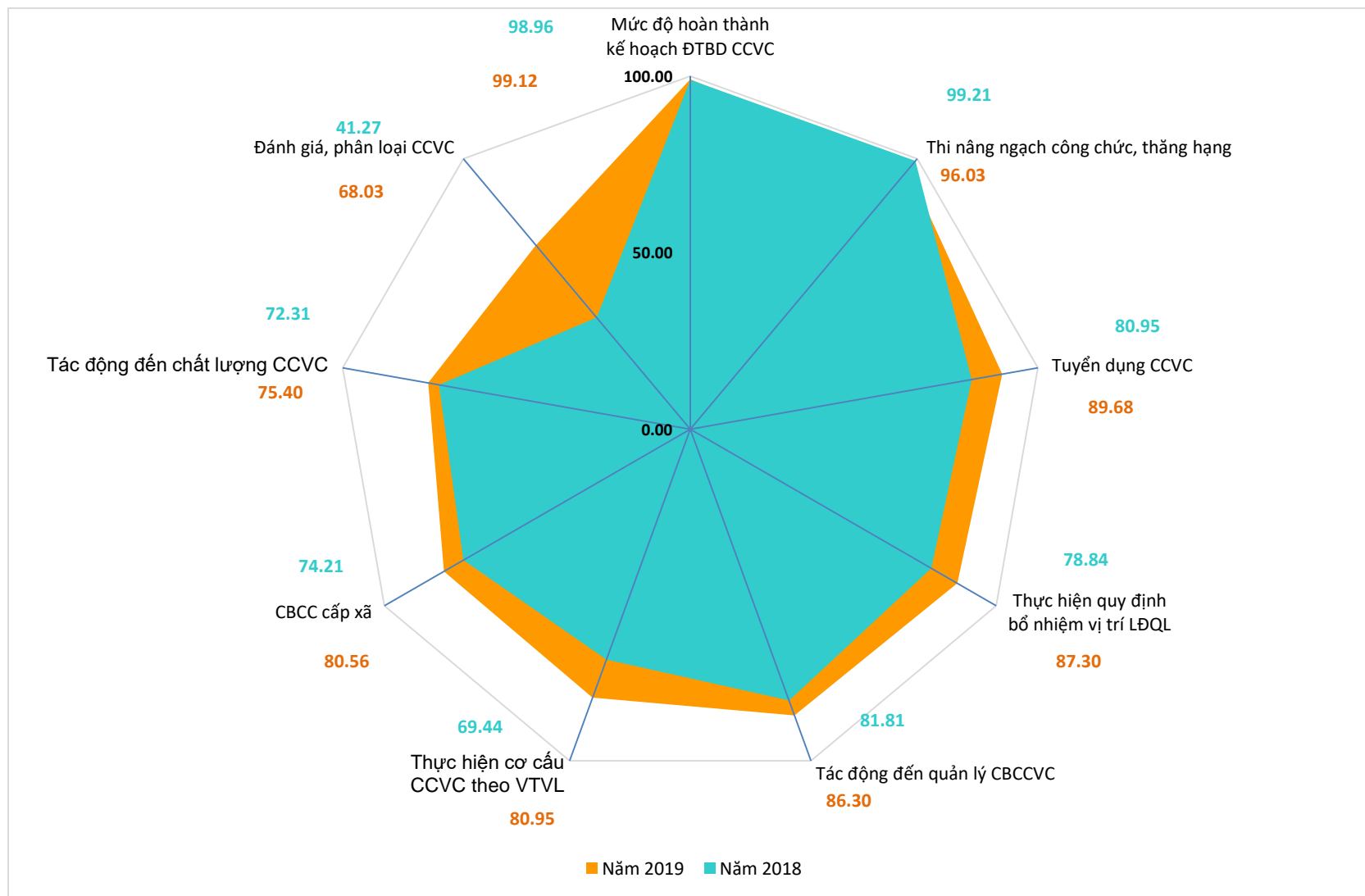


5. CHỈ SỐ THÀNH PHẦN

XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CBCVC CÁC TỈNH NĂM 2019

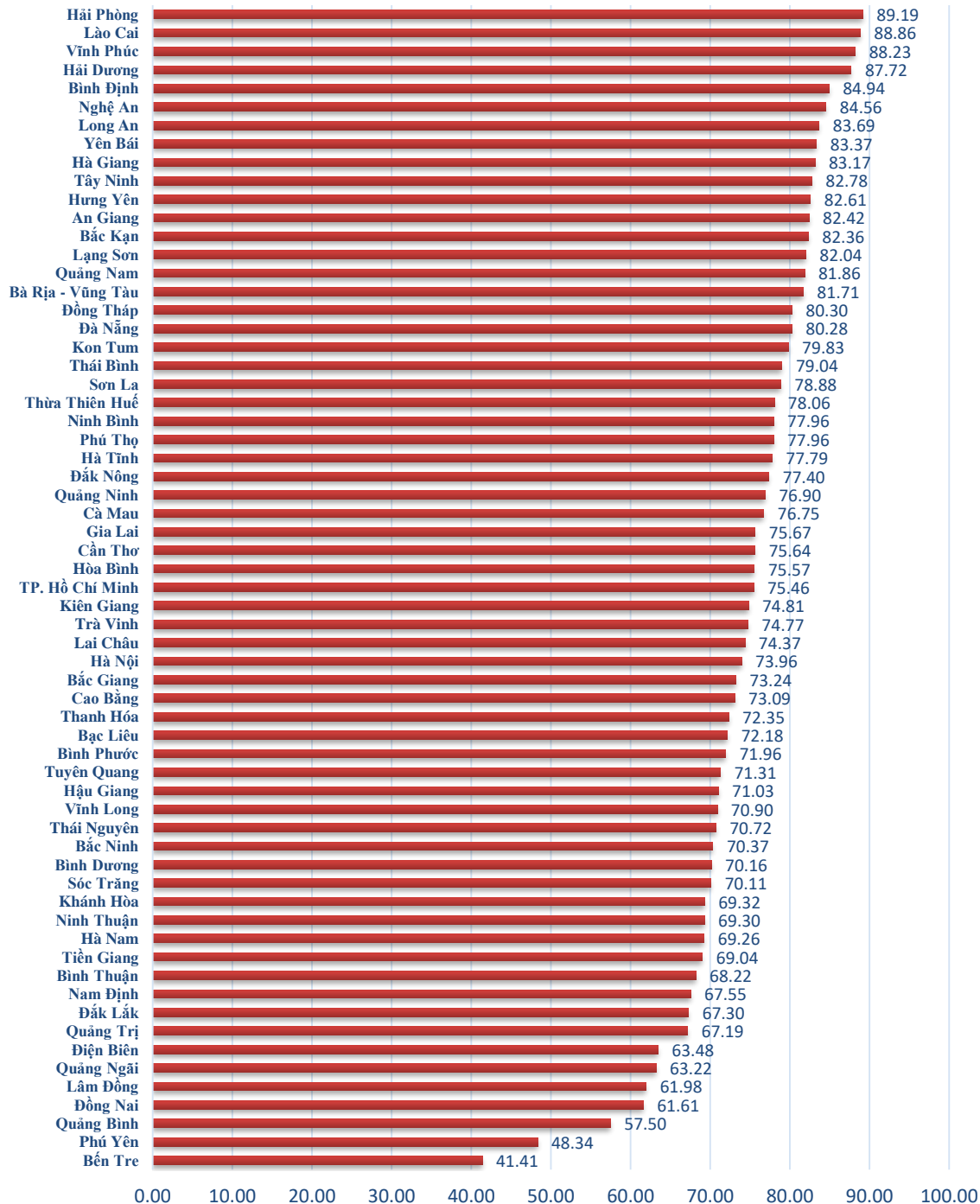


So sánh giá trị TB các tiêu chí đánh giá trong Chỉ số TP "Xây dựng và nâng cao chất lượng CBCCVC" các tỉnh giữa năm 2019 và 2018



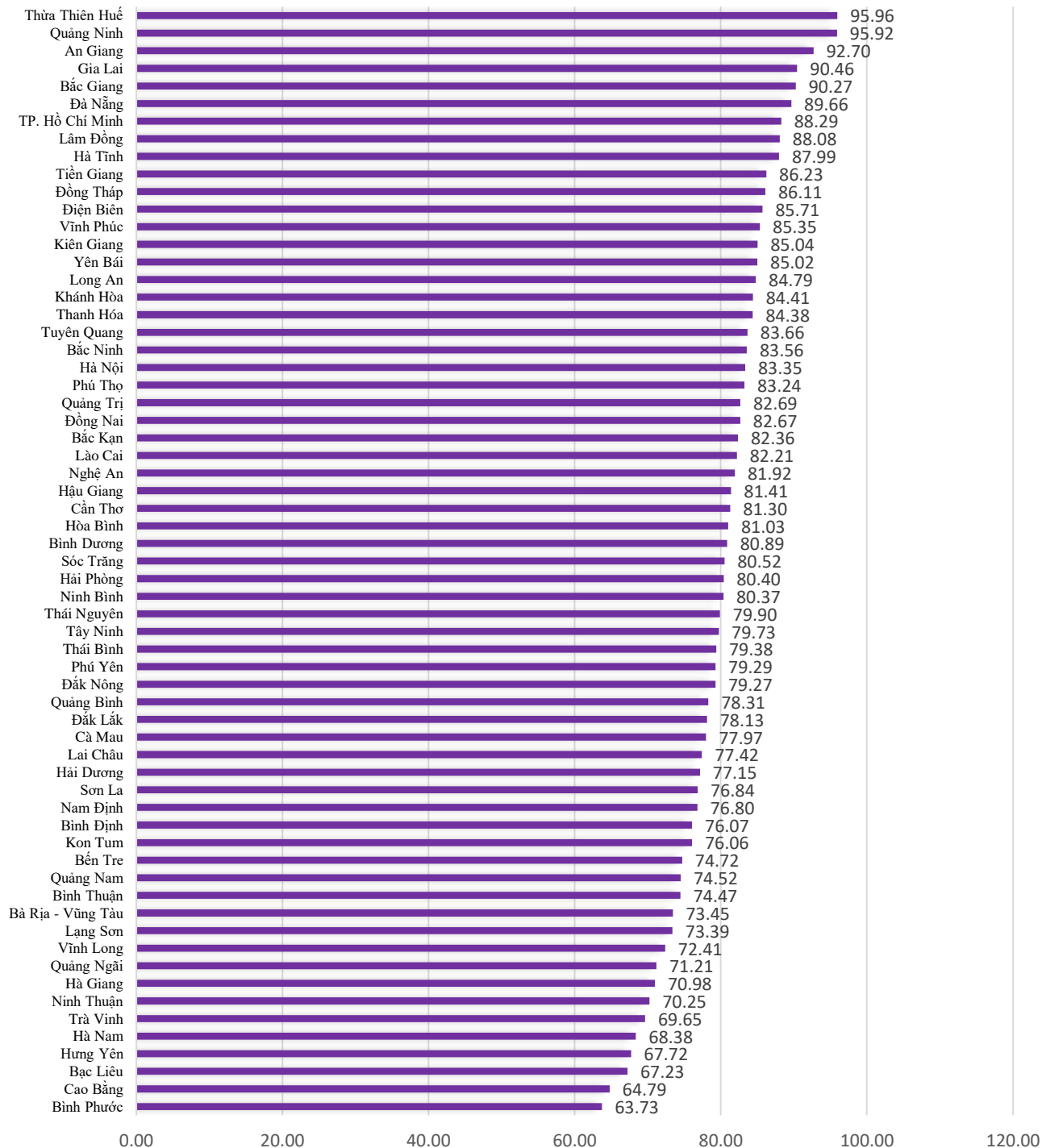
6. CHỈ SỐ THÀNH PHẦN

CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG CẤP TỈNH NĂM 2019



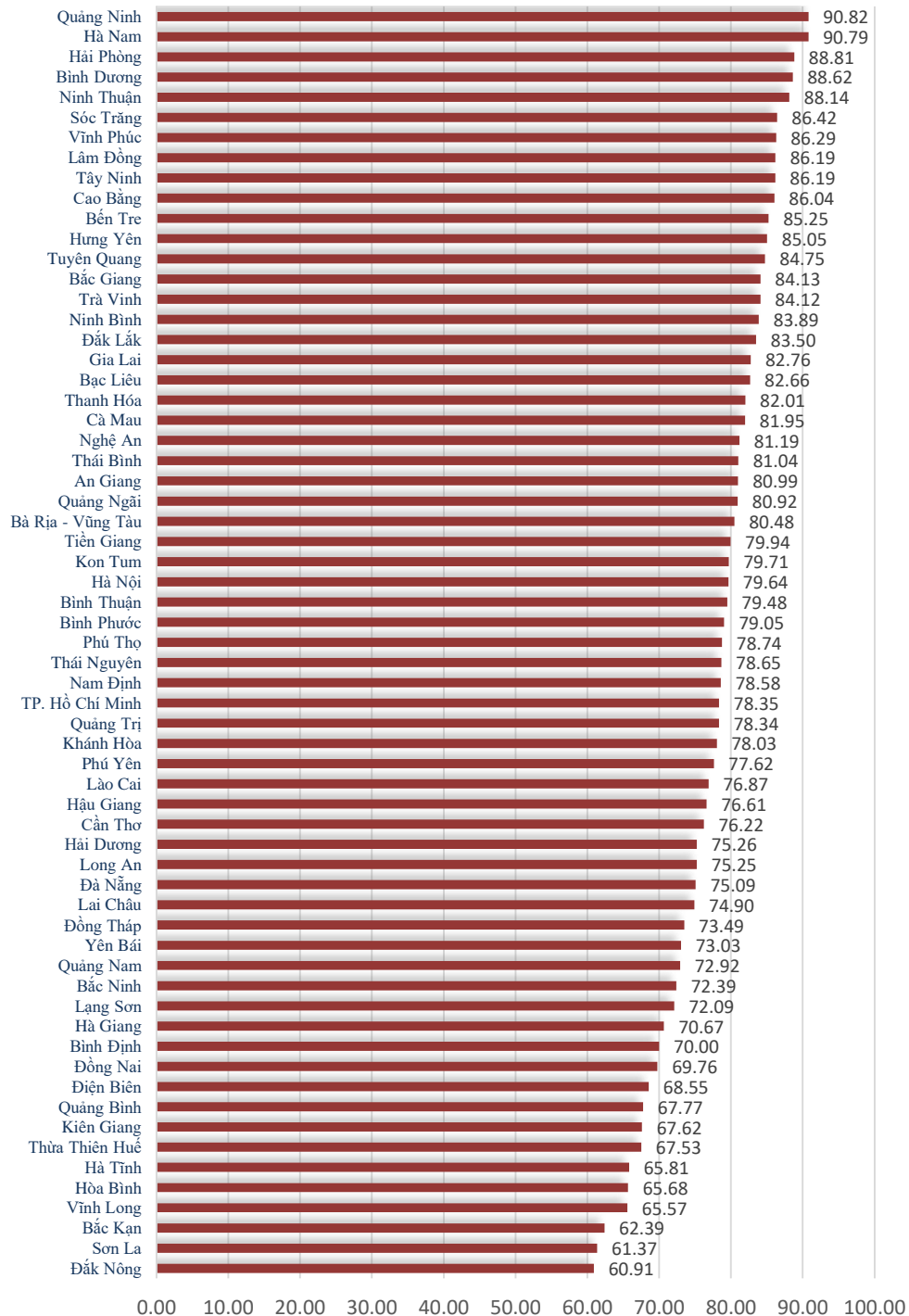
7. CHỈ SỐ THÀNH PHẦN

HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH CÁC TỈNH NĂM 2019

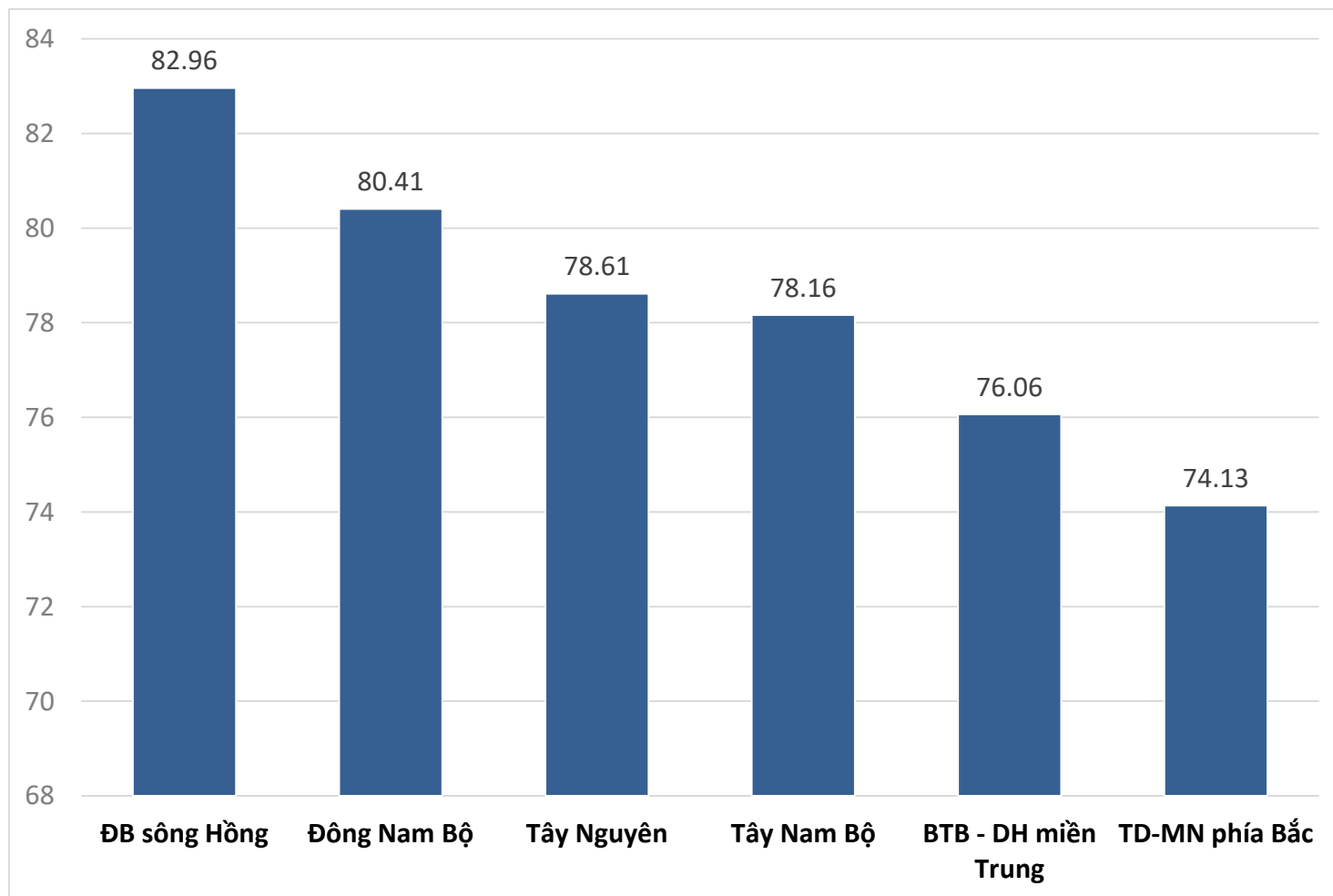


8. CHỈ SỐ THÀNHPHẦN

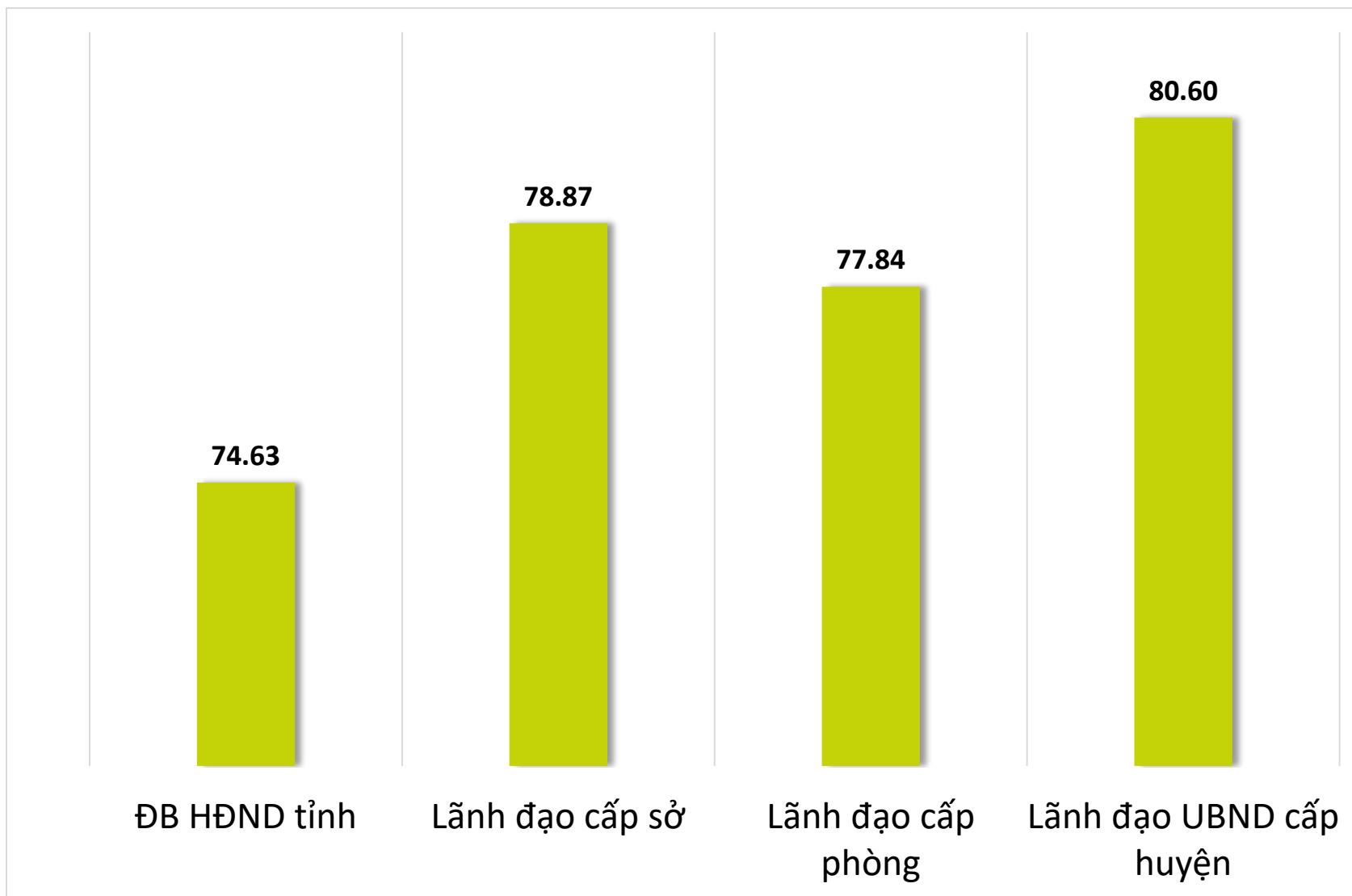
Tác động của CCHC đến người dân, doanh nghiệp và các chỉ tiêu phát triển KT-XH tại địa phương



So sánh đánh giá Tác động của CCHC đến người dân, doanh nghiệp và các chỉ tiêu phát triển KT-XH" theo 6 vùng kinh tế



So sánh tỷ lệ điểm đánh giá qua khảo sát nhóm lãnh đạo quản lý tại địa phương năm 2019



4

KẾT LUẬN

1. XU HƯỚNG TÍCH CỰC

1. Công tác CCHC nhận được sự quan tâm ngày càng cao của Chính phủ, TTg với những chỉ đạo quyết liệt, sát sao, thường xuyên và rất cụ thể đối với từng lĩnh vực cải cách.
2. Chất lượng chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ CCHC tại các bộ, tỉnh ngày càng nâng cao, sáng tạo và tăng cường nghiên cứu thực tiễn, giao lưu, học hỏi chia sẻ học tập kinh nghiệm giữa các đơn vị; công tác kiểm tra, giám sát được chú trọng hơn; thông tin, tuyên truyền CCHC được đẩy mạnh.
3. Năm 2019 ghi nhận nhiều mô hình sáng kiến, giải pháp CCHC mới được thí điểm, nhận rộng tại địa phương
4. Kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC có chuyển biến tích cực, toàn diện và có tác động tích cực đến người dân, doanh nghiệp (hầu hết các chỉ số đều có giá trị tăng điểm so với năm 2018).
5. Thực hiện nhiệm vụ CCHC ngày càng gắn kết chặt chẽ với UD CNTT và thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH

2. TỒN TẠI, HẠN CHẾ

Kết quả xác định Par Index 2019 đã chỉ ra một số tồn tại, hạn chế tại các bộ, tỉnh trong CCHC, cụ thể là:

Đối với cấp bộ

1. Vẫn còn một số bộ chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ các nhiệm vụ được Chính phủ, TTg giao.
2. Công tác cải cách thể chế còn vẫn còn hạn chế, vướng mắc chậm được tháo gỡ; giá trị trung bình đạt thấp nhất trong 7 lĩnh vực đánh giá; một số bộ chưa hoàn thành chương trình xây dựng pháp luật đã được phê duyệt;
3. Còn nhiều bộ chưa hoàn thành việc xây dựng hệ thống thông tin báo cáo theo quy định; Cổng dịch vụ công của một số bộ chưa đáp ứng yêu cầu về chức năng kỹ thuật theo quy định.
4. Kết quả khảo sát đánh giá chất lượng TTHC chưa cao.

2. TỒN TẠI, HẠN CHẾ

Kết quả xác định Par Index 2019 đã chỉ ra một số tồn tại, hạn chế tại các bộ, tỉnh trong CCHC, cụ thể là:

Đối với cấp tỉnh

1. Một số địa phương chưa giải quyết dứt điểm các hạn chế, vướng mắc phát hiện qua công tác kiểm tra CCHC.
2. Một số nơi chưa kịp thời công bố, công khai TTHC trên các cổng/trang TTĐT; thậm chí có nơi vẫn còn công khai các quy định TTHC đã hết hiệu lực thi hành, chưa tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.
3. Một số địa phương còn tồn tại các phòng chuyên môn thuộc sở, ngành, huyện có cơ cấu chưa hợp lý (số lượng lãnh đạo nhiều hơn công chức chuyên môn trong 1 tổ chức).
4. Địa phương vẫn còn tồn tại tình trạng bố trí công chức, viên chức chưa đúng với vị trí việc làm đã phê duyệt hoặc chưa hoàn thành Đề án VTVL.
5. Nhiều nơi chậm thực hiện giải ngân KH vốn đầu tư NSNN; chậm ban hành các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công theo thẩm quyền...
6. Chậm ban hành hệ thống thông tin báo cáo; tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3 và 4 còn thấp.

3. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- 1. Đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.**
- 2. Đối với các bộ, các tỉnh.**
- 3. Đối với các cơ quan phối hợp với Bộ Nội vụ trong xác định Chỉ số CCHC.**

XIN CẢM ƠN!